

PHÁP HOA NGHĨA KÝ

QUYỂN 5

PHẨM THÍ DỤ (Tiếp Theo)

“Thấy các chúng sanh” trở xuống tức là hợp thí dụ Trưởng giả thấy lửa, nói rõ Như Lai thấy chúng sanh bị năm thứ như uế làm hôn mê. Trong thí dụ này vốn có ba đoạn: Người thấy, đối tượng được thấy và khởi tâm thương xót. Nay hợp thí dụ ba đoạn này. “Thấy chúng sanh” một câu này nêu lên người thấy Thí dụ nói “Trưởng giả thấy” “bị sanh, già, bệnh, chết” trở xuống là nói lên đối tượng được thấy nên thí dụ nói “lửa lớn từ bốn phía khởi lên”. Nhưng trong phẩm Phương tiện dùng pháp thuyết nói đủ năm thứ như uế, trong phần mở thí dụ chỉ nói “lửa lớn từ bốn phía khởi lên” tức là nói tổng quát. Nay trong phần hợp thí dụ này nói rõ đủ tám thứ khổ. Vì năm thứ như uế và tám khổ v. v... đều là pháp phiền lụy nên nay trong phần hợp dụ nói rõ tám thứ khổ như sau: Sanh, già, bệnh, chết tức là bốn thứ khổ. Năm sự ham muốn về tài, lợi v.v... tức là “ái biệt ly khổ”. Làm sao biết được? Do năm thứ ham muốn về tiền tài của cải v.v... này một khi ly tán thì sanh ra đau khổ. Tham trước tìm cầu mà không được tức gọi là “cầu bất đắc khổ”. Cái khổ này bao gồm có hai thứ: 1. Vật ấy vốn của mình nhưng nay đột nhiên biết mất nên phải đi tìm cầu thì cũng gọi là “cầu bất đắc khổ”; 2. Từ trước đến nay chưa có vật ấy nhưng nay lại cầu mong mà không được thì cũng gọi là “cầu bất đắc khổ”. Về sau thọ nhận cái khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì gọi là “oán tắng hội khổ”. “Nếu sanh lên trời” trở xuống là nêu ra khổ trước để nói rõ “ngũ ấm xí thành khổ”. “Chúng sanh chìm đắm ở trong đó” tức là hợp thí dụ khởi tâm thương xót. Ở trên nói “liền rất sợ hãi cho đến không có ý mong ra khỏi” nhưng trong đây nói “tuy gặp nạn khổ lớn nhưng không lấy làm lo lắng”. Nếu thấy khổ tức có lo thì mong cầu ra khỏi. Tuy nhiên, do đã không thấy khổ là hoạn nạn cho nên biết “không có ý mong cầu ra khỏi”. Trong đây nói Đông, Tây là chẳng phải Đông Tây ở trên chỉ là chiều dọc Nam

Bắc, chiều ngang Đông Tây mà vì tất cả chúng sanh đều trái lý dụng tâm nên thí dụ như là Đông Tây; cuối cùng tự mệt mỏi mất phương hướng thoát khổ nên gọi là “rảo chạy”.

“Xá-lợi-phất, Phật thấy điều ấy rồi” trở xuống là hợp thí dụ Trưởng giả cứu con nhưng chưa thể được, nói rõ Như Lai dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh nhưng chưa thể được. Trong phần pháp thuyết ở trên gồm có ba phần: 1. Dự định thích nghi; 2. Không có căn cơ; 3. Ngưng sự giáo hóa. Nhưng phần mở thí dụ ở trên có hai đoạn: 1. Căn cứ vào khuyên dạy để tạo ra ba lớp nghĩa; 2. Căn cứ sự răn dạy mà tạo ra ba lớp nghĩa.

Nay trong đây hợp thí dụ tạo ra ba đoạn nhưng phương pháp có khác: 1. Đầu tiếp nối hợp hai nghĩa khuyên dạy và răn dạy để dự định thích nghi; 2. Đầu liên tiếp hợp hai nghĩa khuyên dạy và răn dạy để nêu lên không có căn cơ; 3. Đầu hợp hai nghĩa khuyên dạy và răn dạy để nói việc ngưng giáo hóa. Nay nói “Phật thấy điều này rồi liền suy nghĩ: Ta là cha của chúng sanh cho nên phải cứu khổ não cho họ” tức hợp nhắc lại rõ dự định thích nghi gồm có hai phần. Đây là phần thứ nhất. “Nhưng cứu khổ chính là lực của tâm đại bi tức hợp với nghĩa răn dạy dự định thích nghi. Ở trên nói “Ta sẽ vì họ nói lên sự sợ hãi” cho đến “đều bảo với các con” chính là vậy. Thứ hai “cùng vô lượng vô biên trí tuệ của Phật, muốn khiến cho chúng sanh vui đùa” là hợp nghĩa khuyên dạy dự định thích nghi. Ở trên nói “Thân và tay của ta có sức mạnh” là nói rõ việc không thấy sự khuyên dạy. Phần này không hợp dụ. “Hoặc dùng vạt áo hoặc dùng ghế từ trong nhà mà ra” là phần chính dự định thích nghi, nay cũng là chính hợp dụ. Nhưng ở trên nói “vạt áo” tức nhân của Đại thừa và “ghế” làm thí dụ để nói đến quả Đại thừa. Nay trong hợp thí dụ là hợp ghế và hợp vạt áo. Đây cũng là dự định thích nghi ở trong phẩm Phương tiện nói như “chỗ đắc trí tuệ của ta thật là vi diệu bậc nhất” tức nói rõ Như Lai dự định dùng nhân quả Đại thừa để thích nghi cho chúng sanh.

“Xá-lợi-phất, Như Lai lại suy nghĩ” trở xuống tức hợp cả hai nghĩa khuyên dạy và răn dạy nhưng chúng sanh không có căn cơ ở trên. Hợp thí dụ đây cũng có hai ý: 1. “Nếu ta chỉ dùng thần lực” thì trước tiên hợp nghĩa răn dạy không có căn cơ, tương ứng với trên nói “cha tuy thương xót khéo nói lời dụ dỗ”; 2. “Và lực trí tuệ, xả bỏ phương tiện” trở xuống là hợp nghĩa khuyên dạy không có căn cơ. Căn cứ trong đây tự có hai ý. Câu này chính là hợp nghĩa không có căn cơ “vì sao như vậy” trở xuống là giải thích ý “không có căn cơ” tương ứng ở trên nói

“Lại suy nghĩ: Nhà này chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp. Các người con thơ dại chưa có biết gì”. Lại thấy có người giải thích có hai nghĩa chính: 1. “Nếu Ta chỉ dùng thần lực” trở xuống đến “chúng sanh không thể nường vào đó mà được độ” chính là cùng hợp hai nghĩa khuyên và răn không có căn cơ; 2. “Vì sao như vậy” trở xuống đều giải thích nghĩa trên. Do nhân duyên gì có thể hiểu được trí tuệ của Phật” chỉ có một câu tổng hợp hai nghĩa khuyên và răn mà ngưng giáo hóa. Phần khuyên ở trên rồi ngưng giáo hóa là nói “ưa thích đùa giỡn hoặc sẽ vấp ngã bị lửa thiêu đốt” Phần răn ở trên rồi ngưng giáo hóa là nói “Đông Tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi”.

“Xá-lợi-phất, như ông Trưởng giả kia tuy thân và tay có sức mạnh nhưng không dùng đến” trở xuống là đoạn hợp thí dụ thứ tư: Trưởng giả dùng ba xe cứu được các con nói; rõ Như Lai dùng ba thừa giáo hóa độ được chúng sanh. Nay hợp thí dụ này đại khái được phân làm ba đoạn: 1. Làm rõ lại ý nghĩa ba loại thí dụ ở bên ngoài; 2. Nhấn mạnh hợp thí dụ thứ ba; 3. Chính hợp thí dụ thứ tư. Nay làm rõ lại ba loại thí dụ tức ban đầu nói “thân và tay có sức mạnh mà không dùng đến”. Đây tức làm rõ lại thí dụ bên ngoài thứ ba. Kế đến “chỉ ân cần dùng phương tiện” trở xuống là nhắc lại thí dụ bên ngoài thứ tư. Sau đó “đều cho xe báu lớn” trở xuống là nhắc lại thí dụ bên ngoài, thứ tám. Nay “Như Lai cũng lại như vậy, tuy có lực vô úy mà không dùng đến” là nhấn mạnh hợp thí dụ thứ ba ở bên ngoài “chỉ dùng trí tuệ phương tiện” trở xuống chính là hợp thí dụ thứ tư. Nay tóm tắt bốn nghĩa chính là muốn hợp thí dụ thứ tư. Sở dĩ làm rõ ý nghĩa thí dụ thứ Ba-là vì muốn chỉ cho ý Thánh nhơn ra đời, ý này gói gọn ở Đại thừa. Sở dĩ nhắc lại ý nghĩa thí dụ thứ tư là vì muốn chỉ cho ý của “Như Lai thiết lập quyền giáo. Do chúng sanh không có căn cơ kham nhận Đại thừa nên dù có nói ra cũng không thu hoạch được lợi ích nên phải dùng ba thừa để giáo hóa. Do vậy, mới làm rõ lại ý thí dụ thứ tư ở trong này. Sở dĩ lại nhấn mạnh thí dụ bên ngoài thứ tám là để chỉ ra ý “ban đầu và kết thúc đều thiện”. Tuy ở trung gian có thiết lập Tiểu thừa, nhưng ý vẫn mong Đại thừa. Do vậy nhấn mạnh thí dụ thứ tám để hiển bày ý cho Đại thừa. Sở dĩ nhấn mạnh hợp thí dụ thứ ba là vì ở trên đã hợp xong và đã được nhắc nhở gìn giữ cho nên mới hợp thí dụ thứ ba khiến thuộc ở trên. Sở dĩ không hợp thí dụ thứ tám là vì vẫn dưới đã tự hợp nên chẳng cần gì phải kiêm hợp. Nay đoạn thứ ba chính là hợp với thí dụ thứ tư “cứu được các con”. Nhưng trong thí dụ ở trên vốn có bốn thứ: 1. Dự định dùng ba xe để thiết nghị; 2. Thấy các con vốn có tâm ham thích; 3. Vì các con mà nói ba thứ xe;

4. Các con thọ nhận và phụng hành. Trong đây cũng đều hợp với bốn đoạn. Nay nói “chỉ dùng trí tuệ phương tiện” tức hợp với thí dụ thứ nhất “Trưởng giả dự định dùng ba xe để thích nghi”. Do đó ở trên nói “lúc ấy, Trưởng giả liền suy nghĩ: nhà này đã bị lửa phá hoại, ta và các con nếu không ra ngay ắt bị lửa thiêu đốt, Ta nay nên bày chước phương tiện”. “Ở trong nhà lửa ba cõi cứu độ chúng sanh” gồm một câu hợp với thí dụ thứ hai ở trên “thấy các con vốn có tâm ham thích”. Ở trên nói “cha biết các con đều vẫn có lòng thích các đồ chơi trân báu lạ lùng và nếu có chắc chúng nói ưa lắm nên ông liền nói ba thứ xe”. Từ đây trở xuống tức hợp với thí dụ thứ ba “vì các con nói lên ba thứ xe”. Trong việc nói lên ba thứ xe vốn có bốn phần: 1. Khen ngợi ba xe; 2. Chỉ ra chỗ để ba xe; 3. Khuyên lấy ba xe; 4. Bảo đảm cho không có nói dối. Nay cũng hợp đầy đủ bốn phần này nhưng không theo thứ tự. Trước hết hợp việc chỉ ra chỗ để của ba xe thứ nhất. Thứ hai lại hợp với phần thứ tư “bảo đảm không nói dối”, lại hợp phần thứ ba “khuyên lấy ba xe”. Thứ tư lại hợp phần thứ nhất “khen ngợi ba xe”. Nay nói “vì chúng sanh nói pháp ba thừa” trở xuống gồm bốn hàng rưỡi, trước hết hợp “chỉ ra chỗ để ba xe” ở trên để ngụ ý nói rõ Như Lai chỉ rõ cho người của ba thừa biết Tận trí và Vô sanh trí đang ở bên ngoài ba cõi. Đây là ví dụ ở trên nói “các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu như thế nay ở ngoài cửa các con có thể dùng để dạo chơi”. “Ta nay vì các ông mà bảo đảm việc đó quyết không có hư dối” gồm một câu tức hợp với phần ở trên nói “bảo đảm cho ba xe không hề hư dối”. Điều này cũng có nghĩa: Như Lai bảo đảm đem Tận trí và Vô sanh trí cho người trong ba thừa. Đây là thí dụ nói “tùy ý các con muốn, cha đều sẽ cho các con”. Từ “các ông chỉ nên siêng năng tinh tấn tu hành, đức Như Lai dùng phương tiện ấy để dụ dẫn chúng sanh thẳng tiến” gồm hai câu trở lại hợp với phần thứ ba “khuyên lấy ba xe”. Đây là thí dụ trên nói “các con ở trong nhà lửa này nên mau ra đây” tức là khuyên người ba thừa tu hành để đạt quả vị ba thừa.

“Lại bảo các ông phải biết, pháp ba thừa này đều là pháp của các bậc Thánh khen ngợi” trở xuống gồm ba hàng rưỡi tức hợp với việc khen ngợi ba xe hay khen ngợi ba thừa giáo. Đây là thí dụ nói: “Mà bảo các con rằng: đây là những món tốt đẹp, ít có, khó được, nếu các con không ra lấy sau chắc buồn ăn năn”. La-hán do đoạn sạch kiết sử của ba cõi, không còn bị hoặc chướng trói buộc cho nên nói là tự tại. Nếu có phiền não thì bị ràng buộc trong ba cõi nhưng một khi phiền não đã bị diệt mất thì gọi là “không còn trói buộc”. Xưa kia khi chưa đạt đến quả Vô học thì còn có nương tựa, mong cầu, khi đã chứng được quả cao

nhất của đức Vô học rồi thì nói là “không còn chỗ nương tựa và mong cầu”. Thừa chính là ba thừa tức khi A-la-hán đạt được Tận trí và Vô sanh trí thì hai trí này là quả. Sở dĩ nói thừa (vận chuyển) là khi vào vô dư Niết-bàn thì nhờ Tận Vô sanh trí tự nhiên nhập vào vô dư Niết-bàn. Do đó có nghĩa quả và thừa. Liên được vô lượng an vui yên ổn tức niềm vui của vô dư Niết-bàn.

“Xá-lợi-phất, nếu chúng sanh nào bên trong có trí tánh” trở xuống tức hợp với ở trên nói “các người con thọ nhận và phụng hành”. Thí dụ trên nói “lúc bấy giờ, các người con nghe cha nói đồ chơi báu đẹp vừa ý mình” và trong phần này vốn có bốn đoạn, nay hợp đủ cả, nhưng pháp sử dụng thì bất đồng. Trong thí dụ ở trên căn cứ người ba thừa mà tạo ra bốn phần. Nay trong đây riêng biệt căn cứ người của ba thừa mỗi hạng đều tạo ra bốn đoạn hợp thí dụ. Về sau nêu lên thí dụ bên ngoài để kiêm hợp tức tạo ra bốn phần thuộc ba nghĩa trùng lặp. Do chính hợp nên sau mới kiêm hợp lại. Nay trước hết căn cứ hàng Thanh-văn mà tạo ra bốn phần chính hợp: Ban đầu nói “theo Phật Thế Tôn nghe mà tin nhận” tức là hợp với phần “tâm mỗi người mạnh mẽ” tức “sanh khởi thiện căn ngoài phạm phu”. “Ân cần tinh tấn” gồm một câu tức hợp với phần “cùng nhau xô đẩy...” và “phát sanh thiện căn trong hàng phạm phu”. “Muốn mau ra khỏi ba cõi mà tự cầu Niết-bàn” là hợp phần “tranh nhau cùng chạy ra” tức người thuộc Thanh-văn thừa. Nếu nghe Phật thuyết pháp tinh tấn nhập vào hành vô tướng, hàng kiến đế tư duy đối trị đạo mà đoạn trừ kiết sử thì gọi là Thanh-văn thừa. Đây tức hợp với phần thí dụ trên nói “tranh nhau ra khỏi nhà lửa” và “chứng quả A-la-hán” “như các người con này” trở xuống tức nêu lên thí dụ bên ngoài để kiêm hợp lại.

“Nếu có chúng sanh” trở xuống là căn cứ hàng Bích-chi Phật lại tạo ra bốn phần chính hợp lại. Ban đầu nói “theo Phật Thế Tôn nghe pháp mà tin nhận” tức là hợp với “tâm mỗi người mạnh mẽ” tức chỉ cho người Duyên-giác nghe Phật thuyết pháp mà sanh thiện căn ngoài hàng phạm phu. “Ân cần tinh tấn” là hợp với “cùng xô đẩy chen lấn” tức phát sanh thiện căn trong hàng phạm phu”. “Câu tuệ tự nhiên” trở xuống là hợp với “tranh nhau cùng chạy” để nói rõ người trung thừa nghe Phật thuyết pháp, tinh tấn nhập vào hành vô tướng, kiến đế đối trị tư duy đạo, nhằm đoạn trừ kiết sử. Sở dĩ nói tự nhiên là vì cảnh của hai đế vốn tự nhiên. Nay trí tuệ từ cảnh mà nhận tên cho nên mới nói “trí tuệ tự nhiên”. “Đây gọi là Bích-chi Phật” tức hợp với “ra khỏi nhà lửa” và chứng quả Vô học”. “Như các người con kia” trở xuống là nêu lên

thí dụ bên ngoài để hợp lại.

“Nếu có chúng sanh” trở xuống là tụng về hàng Bồ-tát thừa, lại cũng tạo ra bốn phần chính hợp. Ban đầu nói “theo Phật Thế Tôn nghe pháp và tin nhận” tức hợp với phần “tâm mỗi người đều mạnh mẽ” tức phát khởi thiện căn ngoài phạm phu”. “Ân cần tinh tấn” tức hợp với phần “xô đẩy chen lấn” để nói rõ Bồ-tát nghe Phật thuyết pháp mà phát khởi thiện căn trong hàng phạm phu” “câu nhất thiết trí” trở xuống là hợp với phần “tranh nhau cùng bỏ chạy” tức Bồ-tát nghe Phật thuyết pháp, tiến vào hành vô tướng, kiến đế tư duy nhằm đoạn trừ kiết sử. “Phật trí” tức là quả Phật trong ba thừa. “Trí tự nhiên” là giống như trước đã giải thích. “Vô sư trí” chính là nói rõ đoạn trừ sạch tập khí và thành tựu quả Vô học. Trí Vô học chính là Vô sư trí. “Đây gọi là Đại thừa” tức hợp với “tranh ra khỏi nhà lửa” và chứng đắc quả Vô học” “như các người con kia” trở xuống tức nêu ra thí dụ bên ngoài để hợp lại.

“Xá-lợi-phất, như Trưởng giả kia thấy các người con an ổn được ra khỏi” trở xuống là đoạn thứ năm tức đều liên tiếp nói lên thí dụ thứ năm và thứ tám. Sở dĩ hợp hai thí dụ này lại là vì đã không hợp thí dụ thứ sáu và thứ bảy cho nên mới tương hợp hai thí dụ này. “Do thấy căn cơ Đại thừa phát khởi” tức là có căn cơ mới nói pháp Đại thừa. Nay căn cứ đây tự phân làm hai đoạn: 1. Trước hết nhắc lại hai thí dụ bên ngoài; 2. Chính hợp hai thí dụ. Đầu tiên nhắc lại thí dụ bên ngoài thứ năm trước tiên và tiếp từ “tự suy nghĩ tài vật giàu có” trở xuống là nêu lên ví dụ bên ngoài thứ tám. “Như Lai cũng lại như vậy” trở xuống là hợp hai thí dụ. Nay trước hết hợp thí dụ thứ năm “tức thấy con thoát nạn” để nói rõ sự phát khởi căn cơ Đại thừa. Trong phần khai mở thí dụ này ở trên gồm có hai ý: 1. Trước hết nêu lên sự đoạn trừ hoặc chướng để ra khỏi ba cõi và chứng quả Vô học; 2. Nêu lên sự phát khởi căn cơ Đại thừa. Nay hợp đầy đủ hai nghĩa trùng lặp. “Như Lai cũng lại như vậy” đến hết “ra khỏi đường hiểm đáng sợ, khổ của ba cõi” tức hợp nói rõ “thấy các con được an ổn ra khỏi” “được sự an vui của Niết-bàn” tức hợp nói rõ “sự phát khởi căn cơ Đại thừa”. Do thí dụ trên nói “ở trong ngã tư đường ngồi nơi đất trống không còn bị chướng ngại”. Nay nói “được Niết-bàn an vui” thì Niết-bàn an vui này là quả của sự phát khởi thiện căn Đại thừa. Nay nêu lên quả để nói rõ nhân cũng có thể nêu lên nhân để nói rõ về quả. Nếu đứng trên lý mà luận thì đã vượt qua hai loại sanh tử nên gọi là Niết-bàn thường trụ. Nhưng nay, giáo này chưa nói rõ lý này cho nên lại gấp bội số trên lấy làm Niết-bàn.

“Bấy giờ, Như Lai” trở xuống chính là hợp thí dụ thứ tám “Trưởng giả ban xe lớn cho các con” để nói rõ Như Lai vì đại chúng mà nói kinh Pháp Hoa. Nhưng trong phần mở thí dụ ở trên vốn có hai đoạn: 1. Song song khai mở hai chương môn; 2. song song giải thích rộng hai chương môn. Tuy nhiên, trong việc khai mở thí dụ ở trên về mặt văn cú đã nêu lên hết nên hợp làm hai đoạn. Nay trong phần hợp thí dụ này có hợp và không hợp và không có thứ tự được thích hợp chia làm sáu đoạn: 1. Chương môn tâm bình đẳng; 2. chương môn một xe lớn; 3. Rộng nói một xe lớn; 4. Rộng giải thích xe lớn; 5. Tâm bình đẳng rộng; 6. Rộng giải thích tâm bình đẳng. Nay trong đây chỉ không hợp việc “rộng giải thích tâm bình đẳng” thứ sáu. Ở trên nói “vì sao? Dầu đem xe của ta đó cho khắp người cả một nước hãy còn không thiếu hưởng gì các con”, nay không hợp điều này. Tuy hợp năm phần kia nhưng lại không có thứ tự. Thứ nhất trước hết hợp phần thứ tư và thứ năm. Sau đó, lại hợp phần thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Nay nói “bấy giờ Như Lai suy nghĩ” trở xuống đến “tặng pháp của chư Phật” tức hợp phần thứ tư “rộng giải thích một xe lớn”. Ở trên nói “vì sao như vậy? Vì ông Trưởng giả đó của giàu vô lượng, các thứ kho tàng thảy đều đầy ngập” thì nghĩa này đầy đủ như trước đã giải thích. “Các chúng sanh ấy đều là con ta” trở xuống đến “mà diệt độ” tức là hợp đoạn thứ năm “tâm bình đẳng rộng lớn” ở trên nói “ông nghĩ rằng: Cửa cải của ta nhiều vô cực, không nên dùng xe nhỏ xấu kém mà cho các con, nay những trẻ thơ này đều là con của ta đồng yêu thương không có thiên lệch” là nói rõ ý ấy. “Những chúng sanh thoát ra khỏi ba cõi đó Phật đều cho thứ vui thiên định” tức hợp lại đoạn thứ nhất “chương môn tâm bình đẳng” ở trên nói “đều ban cho các người con”, nay nói “đều ban cho” thì chữ “đều ban cho” tức chỉ cho nghĩa “bình đẳng”. “Các món thiên định, giải thoát v.v... của chư Phật đều ban cho chúng sanh để tự vui sướng” tức hợp đoạn thứ hai “chương môn ban cho xe lớn” hay như trên nói “một thứ xe lớn” “đều là một tướng, một thứ mà các bậc Thánh khen ngợi, có thể sanh ra sự vui sạch mầu nhiệm bậc nhất” tức hợp đoạn thứ ba “một xe rộng lớn” như ở trên nói “xe ấy cao rộng”.

“Xá-lợi-phất, như ông Trưởng giả kia, ban đầu dùng ba xe dụ dẫn các con” trở xuống là đoạn thứ sáu tức hợp thí dụ thứ mười ở trên “không có hư dối”. Nhưng trong thí dụ ở trên vốn có ba đoạn: 1. Nêu lên Như Lai đưa ra sự không hư dối làm thí dụ để hỏi Xá-lợi-phất nhưng nay không hợp; 2. Nêu lên việc Như Lai bày tỏ rõ cho Xá-lợi-phất và nay cũng không hợp; 3. “Xá-lợi-phất trả lời đức Phật” chính là nêu lên

sự việc không hư dối.

Nay hợp thí dụ này được phân làm bốn phần: 1. Nhắc lại ba loại thí dụ ở trên; 2. Phần chính hợp; 3. Giải thích; 4. Kết hợp.

Trước hết liên tục nêu lên ba loại thí dụ nghĩa là “Xá-lợi-phất, như ông Trưởng gia kia” tức nêu lên thí dụ thứ nhất. “Ban đầu, dùng ba xe để dụ dẫn các con” là nhắc lại thí dụ thứ tư. “Rồi chỉ ban cho xe lớn” trở xuống là nhắc lại thí dụ thứ tám. “Như Lai cũng lại như vậy” trở xuống chính là hợp ở trên nói “Thân tử xin đáp lời Phật” tức nói rõ sự việc không hư dối. Tuy nhiên, trong lời đáp ở trên cũng có hai ý: 1. Đáp tổng quát để nói lên sự việc không có hư dối; 2. Đáp riêng biệt để nói lên sự việc không có hư dối. Nay nói “Như Lai cũng lại như vậy không có hư dối” chính là hợp nói lên sự việc không dối ở trên. “Thế Tôn!” là tổng quát về sự việc không hư dối. “Ban đầu nói ba thừa” trở xuống tức hợp phần đáp riêng biệt ở trên để nói lên sự việc không hư dối. Căn cứ trong đây vốn có ba loại. Nay thứ tự sẽ hợp điều đó. “ban đầu nói ba thừa” tức hợp phần thứ nhất ở trên “lấy nặng bỏ nhẹ không có hư dối”. Kế đến nói “dẫn đường cho chúng sanh” tức hợp phần thứ hai “xứng hợp với bản tâm không hư dối”. “Nhưng sau chỉ dùng Đại thừa mà độ thoát họ” tức hợp phần thứ ba “ban cho vật vượt quá sự mong cầu, không có hư dối”. “Tại sao” trở xuống là phần thứ ba “giải thích”. “Xá-lợi-phất, vì nhân duyên này” trở xuống là phần thứ tư “kết hợp”. “Mà nói kệ rằng” tức dùng thí dụ để khai mở ba thừa và hiển bày một thừa nhằm giáo hóa người có căn tánh bậc trung. Trong phần này vốn có bốn đoạn. Tuy nhiên trong đoạn thứ nhất “dùng thí dụ để nói” có hai đoạn: 1. Trước tiên nêu lên Xá-lợi-phất thưa hỏi; 2. Như Lai đáp lời nói trước. Trong hai đoạn này mỗi đoạn được phân làm ba phần.

Trong phần “Phật đáp” đều có đủ ba ý như trước đã thuật rõ: 1. duyên khởi; 2. Từ “hoặc thành ấp làng xóm” xuống hết một trăm hàng kệ là phần chính dùng thí dụ để thuyết; 3. “Này ông Xá-lợi-phất, ấn pháp này của ta” trở xuống gồm sáu mươi lăm hàng kệ dùng để khuyến khích thọ nhận và hành trì. Ở trước lại giải thích nói trong ba đoạn này, mỗi đoạn được khai mở làm hai. Trong đoạn duyên khởi có hai phần tức là: Khiển trách và hứa khả. Trong đoạn dùng thí dụ để thuyết có hai phần tức là: Trưởng hàng và kệ tụng. Từ đây trở xuống có một trăm hàng kệ tức là phần trùng tụng thứ hai. Nhưng trong phần Văn Trưởng hàng ở trên vốn có hai phần: khai mở thí dụ và hợp thí dụ. Nay xét trong một trăm hàng kệ cũng phân làm hai: 1. Sáu mươi lăm hàng rưỡi kệ tụng phần mở thí dụ ở trên; 2. “Bảo Xá-lợi-phất, đức Phật cũng như

vậy” trở xuống gồm có ba mươi bốn hàng rưỡi kệ tụng phần hợp thí dụ. Trong phần mở thí dụ ở trên vốn có mười thí dụ nhưng nay chỉ tụng chín thí dụ lược không tụng thí dụ thứ mười “không có hư dối”. Vì cớ gì? Vì theo cách giải thích xưa sớ dĩ không tụng thí dụ thứ mười “không có hư dối” ở trên vì vốn là Xá-lợi-phất tạo ra thí dụ không có hư dối này. Nay là “Phật nói kệ” đâu thể Phật lại dùng kệ tụng lại lời của Xá-lợi-phất? Nay ý của một nhà biên tập không dùng giải thích này. Phàm giải thích như đây, cũng còn có sự chấp nhặt tỉ mỉ. Cho nên như trong phẩm Thọ Lượng Phật đưa hình ảnh vị thầy thuốc để nói lên sự việc không có hư dối làm thí dụ. Và như Phật hỏi Di-lặc, Di-lặc trả lời Phật để nói rõ sự việc không có hư dối nhấn đến đoạn dưới Phật quay trở lại thí dụ không hư dối của Di-lặc và Xá-lợi-phất. Lại như trong Phẩm Phân Biệt Công Đức, Phật nói một đoạn Văn Trường hàng còn Di-lặc dùng kệ tụng sự việc như đây. Nếu so sánh theo đó thì thật chẳng là ít. Nay sớ dĩ không tụng là ý nói rõ sự việc không hư dối vốn khiến cho chúng sanh được hiểu chân thật, vì, đại chúng lúc ấy tâm đã đạt được tin, không có nghĩa hư dối nên ý ấy tự được hiển bày. Do vậy lược không tụng thí dụ thứ mười “không hư dối”.

Nay trong sáu mươi lăm hàng kệ rưỡi tụng chín thí dụ và cũng mở làm chín đoạn: 1. Có ba mươi ba hàng kệ tụng thí dụ thứ nhất “chủ nhà cũng gọi là thí dụ tổng; 2. Từ “lúc ấy, chủ nhà đứng ngoài cửa” trở xuống có hai hàng kệ tụng thí dụ thứ hai “Trưởng giả thấy lửa”; 3. “Trưởng giả vừa nghe xong, kinh sợ vào nhà lửa” trở xuống gồm có sáu hàng kệ tụng thí dụ thứ ba “Trưởng giả cứu con mà chưa thể được”; 4. “Bấy giờ, Trưởng giả kia, mới bèn nghĩ thế này: các con như thế đó, càng làm ta thêm sầu não” trở xuống gồm bảy hàng rưỡi kệ tụng thí dụ thứ tư “Trưởng giả cứu được các con”; 5. “Trưởng giả thấy các con được ra khỏi nhà lửa” trở xuống có ba câu kệ tụng thí dụ thứ năm “thấy các con thoát khỏi tai nạn”; 6. “Đến ngôi toà sư tử, ông bèn tự mừng rằng” trở xuống có bốn hàng một câu tụng thí dụ thứ sáu “Trưởng giả vui mừng”; 7. “Khi ấy các người con biết cha đã ngồi yên” trở xuống có ba hàng kệ tụng thí dụ thứ bảy “các con đòi xe”; 8. “Trưởng giả giàu có lớn, kho đựng rất nhiều đây” trở xuống có bảy hàng rưỡi kệ tụng thí dụ thứ tám “ban cho xe lớn”; 9. “các con lúc bấy giờ, rất vui mừng hơn hở” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tụng thí dụ thứ chín “các con có được xe cho nên vui vẻ”. Như vậy, ba mươi ba hàng kệ tụng thí dụ thứ nhất; hai hàng kệ tụng thí dụ thứ hai; sáu hàng kệ tụng thí dụ thứ ba; bảy hàng rưỡi kệ tụng thí dụ thứ tư; ba câu kệ tụng thí dụ thứ năm; bốn hàng một

câu kệ tụng thí dụ thứ sáu; ba hàng kệ tụng thí dụ thứ bảy, bảy hàng rưỡi kệ tụng thí dụ thứ tám; một hàng rưỡi kệ tụng thí dụ thứ chín.

Trong tổng thí dụ về chủ nhà ở trên vốn có sáu nghĩa. Nay chỉ nêu lên bốn nghĩa mà lược không nêu lên nghĩa thứ ba “một cửa” và nghĩa thứ sáu “ba mươi người con”. Nay xét trong ba mươi ba hàng kệ, được phân làm bốn đoạn: 1. Một câu đầu tụng thí dụ thứ nhất “ông Trưởng giả”; 2. Ba hàng một câu tụng thí dụ thứ hai “một căn nhà lớn”; 3. Nửa hàng kệ tụng thí dụ thứ tư “năm trăm người”; 4. Hai mươi chín hàng kệ còn lại tụng thí dụ thứ năm “lửa trong nhà khởi lên”.

Trong thí dụ nói về “Trưởng giả” ở trên có ba phần: 1. “Hoặc thành ấp xóm làng” tức nói lên trú xứ; 2. “Có một đại Trưởng giả” chính là nói rõ Trưởng giả; 3. “Tuổi già đã suy yếu” trở xuống là khen ngợi đức độ. Nay “Thí như ông Trưởng giả” gồm một câu chỉ tụng “có một đại Trưởng giả”. Danh dự, địa vị, trú xứ và việc khen ngợi đức độ do lược nên ở đây không tụng.

“Có một căn nhà lớn” trở xuống gồm ba hàng kệ một câu nêu lên “căn nhà lớn”. Nhiều người nói kệ này là tụng “thành ấp, xóm làng” nhưng không phải như vậy mà đây chính là tụng “nhà ấy rất rộng lớn”. Tuy nhiên trong thí dụ nói thẳng “nhà ấy rất rộng lớn” nhưng nay trong phần tụng thứ hai rộng trình bày tướng nhà rộng lớn, mặc dù câu văn cùng với thí dụ thứ năm trình bày tướng của lửa. Có vẻ tương tự mà thực ra chẳng phải như vậy vì ở dưới tự có câu văn nêu ra việc lửa bốc cháy. Do đã lấy ba cõi làm nhà cho nên nói là “lớn”. Ba cõi trong mỗi niệm đều vô thường cho nên mau “cũ xấu”. Sắc và Vô sắc giới được xem như “lầu gác” còn Dục giới được xem là “nhà” nhưng ba cõi không an ổn cho nên nói “cao nguy hiểm”. Mạng sống như “gốc cột” cũng niệm niệm vô thường cho nên nói là “gãy mục”. Tâm thức như “rường cột” cũng niệm niệm sanh diệt cho nên nói là “xiêu vẹo”. Nghiệp làm “nền nhà” đã là tướng vô minh, mê hoặc hư cấu làm ra cho nên nói “nát rã”. Bốn đại như “tường vách” đều bị vô thường huỷ hoại cho nên nói là “sụp đổ”. Sắc, hương, vị, xúc đều niệm niệm vô thường cho nên nói “đất bùn rơi rớt xuống”. Do bốn oai nghi không tề chỉnh cho nên nói “tranh lợp sa tán toạn”. Lại nói đầu, tóc, răng, móng tay là để trang nghiêm thân. Năm thức giữ lấy duyên nhưng không có tương ứng cũng tức là thể niệm niệm sanh diệt cho nên nói “kèo đòn tay rời khớp”. Lại nói là năm căn Thánh nhơn nhanh chóng dùng trí quán sát cảnh vô thường cho nên nói “bốn bề đều cong vạy”. Cong vạy nghĩa là xiên vẹo.

“Có đến năm trăm người, ở tại nơi trong đó” gồm nửa hàng kệ tụng năm trăm người ở trên.

“Chim xi, hiêu, điêu, thúu” trở xuống có hai mươi chín hàng tụng việc “lửa bốc cháy”. Do vậy ở trên nói “nền móng đã rã nát, vách phen đều hừng hực”. Trong Văn Trường hàng ở trên không nói rõ ba cõi nhưng trong kệ nay trình bày đủ hết cho nên riêng biệt nêu ra lửa khởi lên trong ba cõi.

Nay, hai mươi chín hàng kệ được phân làm bốn: 1. Hai mươi hai hàng kệ tụng lửa khởi lên trong nhà tức lửa khởi lên trong Dục giới; 2. từ “các giống độc trùng dữ” trở xuống có ba hàng rưỡi kệ tụng lửa khởi lên ở trong hang tức lửa khởi lên trong cõi Sắc giới; 3. Từ “giống ngô công, do diên” trở xuống có hai hàng rưỡi kệ tụng lửa khởi lên trong hư không tức là lửa khởi lên trong cõi Vô sắc; 4. “Nhà đó sợ đáng sợ, những biến trạng dường ấy” trở xuống gồm một hàng tổng kết việc lửa khởi lên. Căn cứ trong ba đoạn trước, thì mỗi đoạn có bốn phần nêu rõ nghĩa. Còn đoạn thứ tư chỉ có một phần không mở rộng ra.

Nay xét trong hai mươi hai hàng kệ nói rõ lửa khởi lên trong ba cõi gồm có bốn phần: 1. Mười bảy hàng rưỡi kệ trước hết tụng liệt kê các chúng sanh bị thiêu đốt; 2. “Nhà cũ mục trên đó, thuộc ở nơi một người” trở xuống một hàng kệ tụng nguyên do lửa khởi lên trong Dục giới; 3. “Rồi sau nhà cửa đó, bỗng nhiên lửa cháy đỏ” gồm có hai hàng kệ chính tụng lửa bốc cháy; 4. “Các loại quỷ thần thấy, đồng cất tiếng kêu to” gồm một hàng rưỡi kệ tổng kết tướng bị thiêu đốt.

Lại xét trong mười bảy hàng rưỡi kệ trước tự có ba đoạn: 1. Sáu hàng kệ trước hết riêng nêu ra năm thứ độn sử của chúng sanh; 2. Từ “khắp nơi nơi đều có” trở xuống gồm mười hàng kệ lại riêng nêu lên năm thứ lợi sử thuộc chúng sanh; 3. Từ “dạ xoa cùng ngạ quỷ” trở xuống gồm một hàng rưỡi kệ tổng kết chúng sanh bị thiêu đốt. Căn cứ trong hai đoạn trước mỗi đoạn lại có hai phần; Đoạn thứ ba không có mở rộng. Xét trong sáu hàng đầu gồm có hai phần: 1. Năm hàng rưỡi kệ tụng năm thứ độn sử thuộc chúng sanh; 2. Nửa hàng kệ tổng kết năm thứ độn sử thuộc chúng sanh. Nay năm hàng rưỡi kệ nói rõ năm thứ độn sử thuộc chúng sanh tức thành năm phần: 1. Nửa hàng nói rõ “mạn”; 2. Một hàng rưỡi kệ nêu lên sân hận; 3. Một hàng kệ nêu lên si mê; 4. Hai hàng nêu ra tham; 5. Hai câu nêu ra nghi.

“Chim xí, hiêu, điêu, thúu” trở xuống nửa hàng trước hết tụng sự kiêu mạn của chúng sanh. “Loài người xà phúc yết” trở xuống gồm có một hàng rưỡi kệ tụng chúng sanh sân hận. “Chỗ phần dài hôi thối”

gồm một hàng tụng chúng sanh si mê. “Phần dãi” là thí dụ về năm pháp trần. Vì chúng sanh tham trước năm trần như trùng khướng lương v.v... tham đắm vào phần dãi “cáo, sói cùng dã can” trở xuống gồm hai hàng tụng chúng sanh tham đắm. Vì thầy chết v.v.. là thí dụ cho năm trần. Chúng sanh tranh đua nắm bắt lấy năm trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cho nên nói “ngoạm nuốt”. Do cùng nhau tranh đoạt giành giật một cách vô đạo cho nên nói “dày đập”. “Giành giật cấu xé nhau, găm gờ gào sủa rân” gồm có hai câu nói rõ sự nghi ngờ của chúng sanh. Xét về lý nhân quả thì vì có và không chưa quyết định rõ ràng. “Nhà đó sợ, những biển trạnh đường ấy” trở xuống gồm nửa hàng là tổng kết năm thứ độn sử của chúng sanh.

“Khấp chỗ đều có những, quý li, mị, vọng lượng” trở xuống gồm mười hàng riêng biệt nêu lên năm thứ lợi sử của chúng sanh. Phần này cũng có hai ý: 1. Nửa hàng kệ này trước hết tổng nêu ra năm thứ lợi sử của chúng sanh; 2. Chín hàng rưỡi kệ riêng biệt nêu lên năm thứ lợi sử của chúng sanh. Kệ trước nói rõ độn sử của chúng sanh là ban đầu tụng riêng biệt và sau mới tụng tổng kết, nhưng tụng năm thứ lợi sử của chúng sanh thì ngược lại trước tụng tổng hợp và sau mới tụng riêng biệt. “Quý dạ xoa, quý dữ” trở xuống gồm chín hàng rưỡi kệ riêng biệt tụng năm thứ lợi sử của chúng sanh. Đã nói rõ năm thứ lợi sử tức thành năm đoạn. Ban đầu có ba hàng dùng để nói rõ tà kiến. Kế đến, có hai hàng rưỡi dùng để nêu lên giới cấm thủ. Kế đó, gồm một hàng rưỡi nói rõ ngã kiến. Kế nữa, có nửa hàng nói rõ kiến thủ. Kế tiếp gồm hai hàng nói rõ đoạn kiến và thường kiến, chính là biên kiến. “Quý dạ xoa, quý ác” trở xuống ba hàng trước hết nói rõ tà kiến của chúng sanh tức huỷ báng không có nhân quả. Nhưng nhân quả chính là khái niệm chung của tứ đế. Nếu huỷ báng nhân quả tức huỷ báng không có nhân quả của diệt và đạo đế nên giống như nói “nuốt ăn cả thịt người”. “các loài trùng độc dữ” trở xuống chính là nói rõ việc huỷ báng không có Khổ và Tập đế. Căn cứ trong đây, trước hết có một hàng liệt kê để nêu ra khổ và tập đế. Kế đến gồm một hàng rưỡi chính nói rõ sự phỉ báng. “Áp cho bú” là nhân tức là Tập đế. Còn “sản sinh” là quả tức Khổ đế. Do đều có khổ, tập mỗi đế không có tương quan nhau cho nên nói “đều tự giấu gìn giữ”. “quý dạ xoa đua đến” trở xuống gồm một hàng rưỡi kệ nói rõ chúng sanh tà kiến huỷ báng không có nhân quả của tập và khổ. Do bị tà kiến trói buộc trở thành phẩm tội nặng cho nên nói “lòng hung dữ thêm tăng”. Do vì tà kiến mà tranh biện không dứt cho nên nói “tiếng chúng tranh cãi nhau”. Do đây mà chiêu cảm nghiệp quả chịu khổ trong

ba đường ác cho nên nói “thật rất đáng lo sợ” “những quý Cưu-bàn-trà” trở xuống gồm hai hàng rưỡi kệ nói rõ chúng sanh chấp vào giới cấm thủ tức trì các giới của gà, chó, nai v.v... Đất bằng nhô lên nhỏ và cao thì gọi là “đống đất”. Điều này muốn nói rõ giới cấm thủ của chúng sanh là nhân để rơi vào ba cõi ác tức loài người và trời đều giống nhau như “đống đất”. Chúng sanh do có lúc chán ngán cái khổ của dục giới nên hàng phục được kiết sử ở dục giới mà tạm sanh vào sắc giới nên nói “hồng đất một thước”. Vả lại, do có lúc chán ghét cái khổ ở sắc giới liền điều phục được kiết của sắc giới mà tạm sanh vào vô sắc giới nên nói “hồng đất hai thước”. Do điều phục kiết sanh vào sắc và vô sắc giới nên nói “đi qua”. Tuy nhiên vì chỉ tạm điều phục chứ chẳng phải vĩnh viễn đoạn trừ kiết nên phải trở lại trong ba đường ác cho nên nói “trở lại”. Giới cấm thủ này của chúng sanh chẳng phải là dụng tâm Như lý cho nên nói “buông lung”. Do lao nhọc mà không có công đức gì cho nên nói “đùa giỡn”. “Năm hai chân của chó, đánh cho la mất tiếng” thì có người giải thích rằng: chúng sanh trong Sắc giới huỷ báng không có nhân quả của Vô sắc giới giống như “năm hai chân của chó”. Lại huỷ báng không có nhân quả của Dục giới nên nói “lấy chân đạp trên cổ”. Tuy nhiên, hai nghĩa trên không thể giải thích như vậy. Nay nói rõ Dục giới có mười thứ kiết sử của chúng sanh và ở dưới tự riêng biệt có văn nói rõ Sắc giới, đâu thể nói nghĩa trên là nói Sắc giới? Nay nói “năm hai chân của chó, đánh cho la mất tiếng” tức là phỉ báng không có Khổ và Tập đế. Do khiến cho lý nhân quả mất tuyệt mà không thông suốt cho nên nói “mất tiếng”. “lấy chân đạp trên cổ, khủng bố chó để vui” tức là phỉ báng không có hai đế Diệt và Đạo. Lại giải thích rằng đây là phỉ báng không có nghiệp phiền não tích tập cho nên nói “năm hai chân của chó” v.v... lại do phỉ báng không có khổ làm quả cho nên nói “lấy chân đạp trên cổ” “lại có các giống quý, thân nó rất dài lớn” trở xuống gồm một hàng rưỡi kệ nói rõ ngã kiến của chúng sanh tức ngã lớn mà sắc nhỏ cho nên nói “dài lớn”. Do không có tầm quý cho nên nói “trần truồng”. “Lại có các giống quý, cổ nó nhỏ bằng kim” gồm nửa hàng kệ nói rõ kiến thủ của chúng sanh không thể tự suy lường chứng thành, chấp sự thấy biết của người khác là việc thật, còn ngoài ra là vọng ngữ. “Lại có các giống quý, đầu nó như đầu trâu” trở xuống gồm hai hàng dùng để nói rõ đoạn kiến và thường kiến (cái thấy chấp thường và đoạn) của chúng sanh. đầu trâu có hai sừng là thí dụ cho hai thứ đoạn kiến và thường kiến luôn tùy thuận xảy ra. Từ “dạ xoa cùng quý đối, các chim thú ác độc” trở xuống gồm một hàng rưỡi kệ nói lên chúng sanh bị thiêu

đốt nhưng ở đây không có khai mở rộng ra. Sắc giới và vô sắc giới vốn dĩ như ánh sáng lửa vào khi mở cửa ra để nhìn lên thượng giới.

“Nhà cũ mục trên đó, thuộc ở nơi một người” gồm có một hàng nói rõ nguyên do lửa bốc cháy trong Dục giới. Vì do Trưởng giả kia tạm đi ra ngoài mà không ở trong nhà nên mới khiến lửa bốc cháy lên trong nhà. Điều này ngụ ý muốn nói rõ Như Lai xưa kia đã từng giáo hóa chúng sanh này khiến họ tạm thời chế phục được phiền não không khởi lên, chẳng khác gì Trưởng giả khi ở tại trong nhà tuy có lửa nhưng chưa khởi lên bốc cháy. Tuy nhiên, do duyên đã hết, Như Lai phải đi qua phương khác để giáo hóa nhưng chúng sanh này bèn lại khởi phiền não dữ dội khiến lửa phiền não ấy bùng cháy hung hãn cho nên nói “nguyên do của lửa cháy”. “Rồi sau nhà cửa đó, bỗng nhiên lửa cháy đỏ” trở xuống gồm có hai hàng nói rõ lửa bốc cháy ở trong Dục giới tức chính là nêu lên câu “bỗng nhiên lửa cháy đỏ” “các loại quỷ thần thấy, đồng cất tiếng kêu to” trở xuống gồm một hàng rưới kệ dùng để tổng kết tướng trạng chúng sanh trong dục giới bị thiêu đốt.

“Thú dữ loài trùng độc” trở xuống gồm ba hàng rưới kệ nêu rõ lửa khởi lên trong Sắc giới. Căn cứ trong đây cũng có bốn phần: 1. Một hàng trước hết nói rõ chúng sanh trong Dục giới bị phiền não và tám khổ gây bức não cho nên mới hàng phục được phần ít kiết của dục giới mà tạm sanh vào Sắc giới cho nên nói “chui núp trong lỗ hang”; 2. nói “vì phước đức kém vậy” gồm một câu nhằm nói rõ nguyên nhân lửa khởi lên; 3. nói “bị lửa đến đốt cháy” gồm có một câu chính là nói rõ lửa khởi lên trong Sắc giới; 4. Hai câu còn lại nói rõ tướng trạng chúng sanh trong Sắc giới bị lửa thiêu đốt.

“Loài ngô công, do diên” trở xuống gồm hai hàng rưới kệ nói rõ lửa khởi lên trong cõi Vô sắc giới. Phần này cũng có bốn ý: 1. Một hàng kệ trước hết nói rõ chúng sanh trong Sắc giới hàng phục được kiết của sắc giới nên tạm sanh vào cõi vô sắc; 2. “Quý bàn trà rình chờ, liền bắt lấy mà ăn” gồm nửa hàng kệ nói rõ nguyên do lửa khởi lên. Do ở chỗ kia bị người tà kiến giáo hóa mà chấp lấy cho nên nói “liền bắt lấy mà ăn”; 3. “Lại có các ngạ quỷ, trên đầu lửa hừng cháy” gồm nửa hàng kệ dùng để nói rõ lửa khởi lên trong cõi Vô sắc; 4. “Đói khát rất nóng khổ sáng sốt chạy quàng lên” gồm nửa hàng kệ nói rõ tướng trạng bị thiêu đốt. “Nhà lửa đó dường ấy, rất đáng nên ghê sợ” trở xuống gồm một hàng dùng để tổng kết lửa khởi lên trong ba cõi nhưng ở đây không mở rộng ra.

“Lúc bấy giờ chủ nhà, đứng ở nơi ngoài cửa” trở xuống gồm hai

hàng kệ tụng thí dụ “Trưởng giả thấy lửa”. Trong thí dụ này vốn có ba đoạn: Người thấy, đối tượng được thấy và khởi tâm thương xót. Nay, trong kệ không tụng đoạn “khởi tâm thương xót”. Tuy không tụng đoạn này nhưng cũng thành ba đoạn. Ở trên nói “Trưởng giả thấy lửa cháy” mà không nêu ra chỗ để thấy. Nay trong đây, nói lên “chỗ thấy” để bổ khuyết trong Văn Trường hàng ở trên nên rút cuộc thành ba đoạn, ba đoạn ấy chính là: 1. Một nửa hàng trước hết tụng chỗ thấy lửa; 2. Một câu nêu ra người thấy (chủ thể thấy); 3. Một hàng một câu tụng cảnh thấy. Nói “lúc bấy giờ chủ nhà, đứng ở nơi ngoài cửa” là trước tiên nêu lên chỗ thấy lửa. Tuy nhiên chữ “đứng” là mô tả trạng thái muốn đi. Như Lai an trú trong địa pháp thân sẽ muốn ứng hiện trong ba cõi tiếp hóa chúng sanh cũng như Trưởng giả muốn đi vào trong nhà. “Lại nghe có người nói” gồm một câu nêu lên “năng thấy” ở trên. Ở trên nói “Trưởng giả thấy” nhưng nay trong kệ tụng “nghe” tức lấy cái nghe để thay cho thấy. Thí dụ ở trên nói đến “thấy rõ sự việc này” tức để nói rõ Như Lai có trí tuệ soi chiếu thấy rõ căn cơ của chúng sanh. Trong đây lại dẫn ra cái nghe tức đàm luận về chiêu cảm căn cơ của Thánh nhân. Vì chiêu cảm căn cơ mà Phật xuất thế mà lại liên quan đến Thánh trí nên “nghe có người mách bảo”. “Các người con của ông” trở xuống gồm một câu nêu lên “cảnh thấy”. Ở trên nói “có thứ lửa lớn này, từ bốn phía bốc lên” trước lại nói “nghe có người mách rằng”, rức mách nói gì? Chính là nói “các người con của ông” “trước đây vì dạo chơi mà đến vào nhà này” Có người giải thích rằng: Do từ bên ngoài ba cõi mà lại trôi dạt vào ba cõi cho nên nói “mà đến vào nhà này”. Tuy nhiên, nay chỗ biên tập ở đây lại không phải như vậy. Xưa ở nơi hai vạn ức đức Phật đã từng thọ nhận sự giáo hóa Đại thừa tức là nghĩa của cha và con cho nên nói “các người con của ông”. Do “trước đây vì dạo chơi, mà nhập vào nhà này” cho nên giống như sự nói rõ trong kinh Di giáo: Người chưa được độ đều cũng có nhân duyên được độ. Xưa kia hiểu được Đại thừa khiến tâm an ổn mà tạo ra ý thoát khỏi sanh tử. Về sau do khởi phiền não mà mất đi sự hiểu biết về Đại thừa nên thành ra nghĩa “nhập vào sanh tử”. Nghĩa “đến nhập vào” thì có ý cũng như đây. “Thơ đại” tức là do lúc ấy rất khiếm nhược trước lý giải Đại thừa nên gọi là “thơ đại”. Do hiểu biết yếu kém khiến mất đi sự lý giải của Đại thừa cho nên nói “vô tri”.

“Trưởng giả vừa nghe xong” trở xuống gồm có sáu hàng kệ tụng thí dụ “cứu con mà chưa được”. Trong thí dụ ở trên vốn có hai đoạn: khuyên dạy và răn dạy. Trong hai đoạn ấy, mỗi đoạn có ba phần tức là:

dự định thích nghi, không có căn cứ và ngưng giáo hóa. Nay trong đây cũng đầy đủ nêu lên hai đoạn ở trên, còn mỗi đoạn có ba phần tuy có tụng nhưng về phương pháp thì bất đồng. Pháp bất đồng là căn cứ trong sáu hàng này được phân làm ba đoạn. Ban đầu nói “Trưởng giả vừa nghe xong” trở xuống năm hàng kệ tụng dự định dùng khuyên và răn để thích nghi. Kế đến có hai câu tụng vừa khuyên và răn và không có căn cứ. Kế tiếp có hai câu tụng vừa khuyên và răn và ngưng giáo hóa. “Trưởng giả vừa nghe xong” trở xuống có ba đoạn và mỗi đoạn có hai phần: 1. Gồm một kệ trước hết tụng dự định khuyên dạy để thích nghi tức là thí dụ trên nói: “Thân và tay có sức mạnh” trở xuống; 2. “Mà dụ bảo các con” trở xuống có bốn hàng kệ tức nêu lên dự định răn dạy tức là thí dụ trên nói: “Ta nay vì các con, nói lên sự sợ hãi” trở xuống. “Các con không hiểu biết” trở xuống gồm hai câu dùng để nêu lên hai hạng người không có căn cứ. Trong phần này có hai ý: 1. Nói “các con không hiểu biết” gồm một câu khuyên, mà không có căn cứ. Trong mục “không có căn cứ” ở trên vốn có hai ý. Nay không nêu lên ý thứ nhất “giáo nghĩa Đại thừa đối với hạng người này thì trở nên vô dụng” tức là “nhà này có một cửa, mà lại rất nhỏ hẹp” nhưng chỉ nêu lên ý “có Tiểu thừa mà không có Đại thừa”. Nay, một câu “các con không hiểu biết” để nêu lên có căn cứ Tiểu thừa mà không có căn cứ Đại thừa tức hợp với thí dụ nói “các con nhỏ không hiểu”; 2. “Đầu có nghe cha dạy” gồm một câu tức tụng nghĩa răn dạy mà không có căn cứ tức là “cha dẫu thương xót khéo nói để dụ dỗ”. Đoạn thứ ba có hai câu nêu lên sự ngưng giáo hóa tự có hai ý. Câu đầu tức tụng nghĩa khuyên dạy và ngưng giáo hóa, tức thí dụ trên nói “ưa thích đùa giỡn”. Câu thứ hai “vui chơi mãi không thôi” tức tụng nghĩa răn dạy và ngưng giáo hóa thí dụ trên nói: “Chỉ cứ đông tây, chạy giỡn nhìn cha mà thôi”. Lại giải thích rằng: không có tụng ba đoạn nói khuyên dạy mà chỉ tụng hai đoạn nói răn dạy. Năm hàng trước tụng dự định thích nghi và một hàng sau tụng việc không có căn cứ, mà không tụng nghĩa ngưng giáo hóa. Trong phần dự định ở trên có hai ý: suy nghĩ phương pháp cứu các con mà dự định thích nghi. Trong đây cũng phân làm hai. Ban đầu gồm một hàng tụng việc suy nghĩ về phương pháp. Sau đó, từ “bảo dụ các con” trở xuống gồm bốn hàng chính tụng dự định thích nghi.

“Bấy giờ, Trưởng giả kia, mới bèn nghĩ thế này” trở xuống gồm có bảy hàng rưỡi kệ tụng thí dụ thứ tư “Trưởng giả dùng ba thứ xe để cứu được các con”. Nhưng trong thí dụ ở trên vốn có bốn đoạn: 1. Dự định dùng ba xe để thích nghi; 2. Thấy các con vốn có lòng ưa thích; 3.

Vì các con mà nói lên ba thứ xe; 4. Các con thọ nhận và hành trì. Nay trong đây lược mà không tụng đoạn thứ hai “thấy các con có lòng ưa thích” tương ứng với ở trên nói “cha biết các con đều vẫn có lòng thích các đồ chơi trân báu lạ lùng, nếu có chắc chúng nó ưa lắm”.

Nay trong bảy hàng rưỡi kệ được phân làm ba đoạn để tụng trên: 1. Ba hàng đầu tụng đoạn thứ nhất bên trên; 2. Kế đến ba hàng tụng đoạn thứ ba bên trên; 3. Kế tiếp đó có một hàng rưỡi kệ tụng đoạn thứ tư ở trên. Nay “bấy giờ Trưởng giả kia, mới bèn nghĩ thế này” trở xuống ba hàng tụng dự định dùng ba xe, thích nghi, tức thí dụ trên nói: “Bấy giờ, Trưởng giả liền nghĩ: nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy” trở xuống. “Bảo với các con rằng” trở xuống có ba hàng tức nêu việc vì các con mà nói về ba xe. Trong đoạn nói về ba xe ở thí dụ trên vốn có bốn phần. Nay có ba hàng kệ tụng đầy đủ: 1. Một hàng kệ tụng phần thứ nhất; 2. Ba câu tụng phần thứ hai; 3. Ba câu tụng phần thứ ba; 4. Nửa hàng kệ tụng phần thứ tư. “Nay bảo các con rằng” gồm một hàng tụng khen ngợi ba xe thuộc phần thứ nhất tương hợp với văn trên nói “mà bảo các con rằng: đây là những món ít có, khó đặng mà các con có thể dùng để vui chơi nếu các con không ra lấy sau chắc buồn ăn năn”. “Nào xe dê, xe hươu” trở xuống gồm ba câu tức tụng phần thứ hai “chỉ ra chỗ của ba xe” tương hợp với văn trên nói “các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu như thế nay ở ngoài cửa”. “Các con mau ra đây” trở xuống có ba câu tụng phần thứ ba ở trên “khuyến khích lấy xe” tức tương ứng với văn kinh nói “các con ở nơi nhà lửa nên mau ra đây”. “Tùy ý các con thích, có thể cưỡi để dạo chơi” tức gồm có nửa hàng tụng phần thứ tư “bảo đảm ban cho chứ không có hư dối” tức tương ứng với văn kinh trên nói “tùy ý các con muốn, cha đều sẽ cho các con”. “Các con nghe cha nói, các thứ xe như vậy” trở xuống gồm một hàng rưỡi kệ tức tụng đoạn thứ tư “các con thọ nhận và hành trì”. Trong việc thọ nhận và hành trì ở trên vốn có bốn phần. Nay chỉ nêu ra ba phần mà lược không tụng phần thứ hai “xô đẩy lẫn nhau”. Ban đầu “các con nghe cha nói, các thứ xe như vậy” gồm nửa hàng trước hết tụng “lòng mỗi người đều mạnh mẽ” thuộc hàng ngoài phạm phu. “tức thời cùng nhau tranh đua” gồm sáu chữ nêu lên sự cùng nhau tranh đua để kiến đế tư duy và hành tu đạo. “Ra khỏi” trở xuống nửa hàng có hai chữ nêu lên việc tranh đua nhau ra khỏi nhà lửa để đạt được quả Vô học. Lại giải thích rằng: do lược nêu không tụng hai phần trước mà chỉ tụng hai phần sau.

“Trưởng giả thấy các con, được ra khỏi nhà lửa” trở xuống gồm ba câu tụng thí dụ thứ năm “thấy con thoát khỏi nạn”. Trong thí dụ ở trên

có hai ý: 1. Trước hết nói rõ sự đoạn trừ hoặc chướng để thoát ra khỏi ba cõi mà đạt được quả vị Vô học; 2. Nói rõ sự phát khởi căn cơ Đại thừa: hai câu đầu trước hết nêu lên quả Vô học, còn “ở nơi ngã tư đường” gồm một hàng nêu lên sự phát khởi căn cơ Đại thừa.

“Đến ngôi toà sư tử” trở xuống có bốn hàng một câu tụng thí dụ thứ sáu “Trưởng giả hoan hỷ”. Nay xét trong đây gồm bốn hàng một câu tự có ba đoạn. Ba câu đầu tụng sự phấn khởi hoan hỷ. “Những đứa con này đây” trở xuống có ba hàng giải thích nguyên do hoan hỷ. Do thoát ra khỏi hoạn nạn cho nên mới hoan hỷ. “Vì thế các người ơi, ta nay rất vui mừng” trở xuống gồm nửa hàng nói lên sự tổng kết hoan hỷ.

“Khi ấy các người con, biết cha đã ngồi an” trở xuống có ba hàng kệ tụng thí dụ thứ bảy “các người con đòi xe” để nói rõ người trong ba thừa mong muốn đạt quả. Căn cứ trong ba hàng kệ này tự có bốn phần: 1. Nửa hàng tụng lúc đòi xe; 2. Một hàng chính tụng ý đòi xe; 3. Một hàng tụng lời vừa rồi cha hứa ban cho xe; 4. Nửa hàng tổng kết tụng nghĩa đòi xe. Nay “bấy giờ các người con, biết cha đã ngồi an” trở xuống gồm nửa hàng trước hết nói lên khi đòi xe là khi biết cha ngồi an ổn. Điều này ngụ ý muốn nói Như Lai thấy chúng sanh phát khởi căn cơ Đại thừa xứng hợp với bản ý của Như Lai nên nói là “ngồi an”. “Đều đến bên chỗ cha” trở xuống gồm một hàng chính tụng ý đòi xe ở trên. “Như trước cha đã hứa” gồm một hàng tụng lời của cha lúc trước hứa cho xe. “Bây giờ chính phải lúc” trở xuống gồm nửa hàng dùng để tổng kết tụng nghĩa đòi xe.

“Trưởng giả giàu có lớn” trở xuống có bảy hàng rưỡi kệ tụng thí dụ thứ tám “đồng ban cho xe lớn” tức chính là thuyết kinh Pháp Hoa. Trong thí dụ ở trên vốn có hai đoạn: 1. Trước hết song song khai mở hai chương môn; 2. Song song giải thích rộng hai chương môn. Nay bảy hàng rưỡi kệ cũng được phân làm hai. Ban đầu có bảy hàng trước tiên tụng đoạn giải thích rộng hai chương môn. Nửa hàng còn lại tụng đoạn thứ nhất bên trên. Lại nữa trong đoạn giải thích rộng chỉ tụng “một xe lớn” mà không tụng “tâm bình đẳng”. Nhưng trong việc nói rộng “một xe lớn” cũng có hai ý: rộng và giải thích rộng. Nay ban đầu có một hàng rưỡi kệ trước tiên tụng giải thích “xe rộng lớn”. Điều này tức là “tại sao như vậy? Vì ông Trưởng giả đó của giàu vô lượng... chúng dọn trang sức đẹp” trở xuống gồm năm hàng rưỡi kệ tụng việc nói rộng “xe lớn” ở trên tương ứng với văn trên nói “xe ấy thật cao rộng với các báu trang hoàng”. “Đem xe đẹp như thế” trở xuống gồm có nửa hàng nêu lên sự khai mở hai chương môn ở trên. Một câu này trước hết nêu ra chương

môn “một thứ xe lớn”. Kế đến “cùng ban cho các con” gồm một câu nêu lên chương môn “tâm bình đẳng”.

“Các con lúc bấy giờ, rất vui mừng hơn hở” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tụng thí dụ thứ chín “các con được xe lớn cho nên vui vẻ” tương ứng với văn thí dụ trên nói “khi ấy các người con được ngồi trên xe lớn đặng điều chưa từng có”. Ở đây do lược mà không nêu lên thí dụ thứ mười “không có hư dối”.

“Bảo Xá-lợi-phất này, đức Phật cũng như vậy” trở xuống có ba mươi bốn hàng rưỡi kệ tụng Trưởng giả thuộc đoạn “hợp dụ” thứ hai. Lại nữa, trong đoạn “hợp dụ” trên chỉ hợp bảy thí dụ mà không hợp thí dụ thứ sáu, thứ bảy và thứ chín. Tuy hợp bảy thí dụ nhưng lại gom thí dụ thứ năm và thứ tám làm một cho nên văn cú chỉ có sáu đoạn. Nay trong đây cũng nêu lên bảy thí dụ nên mà trở thành bảy đoạn. Nhưng bảy thí dụ về tên gọi thì đồng mà ý thì có khác. Trong Văn Trường hàng ở trên không hợp thí dụ thứ sáu và thứ bảy và nay cũng không nêu lên. Văn trên hợp thí dụ nhất thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ mười và nay trong kệ cũng nêu lên đầy đủ. Văn trên đều hợp thí dụ thứ năm và thứ tám nhưng nay chỉ nêu lên thí dụ thứ tám. Văn trên hợp thí dụ thứ năm mà không hợp thí dụ thứ chín nhưng nay trong nghĩa kệ này lại nêu lên việc hợp thí dụ thứ chín mà không nêu lên thí dụ thứ năm.

Nay xét trong ba mươi bốn hàng rưỡi kệ cũng phân làm bảy đoạn:

1. Bốn hàng nêu lên thí dụ thứ nhất “chủ nhà” cũng gọi là tổng dụ; 2. “Đức Như Lai đã lia, nhà lửa ba cõi đó” trở xuống có hai hàng nêu lên thí dụ thứ hai “thấy lửa”; 3. “Mà nay trong ba cõi, có nhiều thứ hoạn nạn” trở xuống cũng có hai hàng hợp nêu lên thí dụ thứ ba “cứu con mà chưa được”; 4. “Bởi thế nên phương tiện, vì chúng nói ba thừa” trở xuống có bốn hàng hợp nêu lên thí dụ thứ tư “cứu được các con”; 5. “Các ông nếu có thể, tin nhận lời nói đây” trở xuống cũng có bốn hàng hợp nêu lên thí dụ thứ tám “ban cho xe lớn”; 6. “Chúng đặng thừa như thế, khắp cho các con thấy” trở xuống có ba hàng với ý nghĩa hợp nêu lên thí dụ thứ chín “các con có được xe nên vui mừng”; 7. “Bảo với Xá-lợi-phất. Ông và các người thấy” trở xuống có mười lăm hàng rưỡi kệ hợp nêu lên thí dụ thứ mười “không có hư dối”. Như vậy, có bốn hàng kệ hợp nêu lên thí dụ thứ nhất; có hai hàng kệ hợp nêu lên thí dụ thứ hai; có hai hàng kệ hợp nêu lên thí dụ thứ ba; có bốn hàng kệ hợp nêu thí dụ thứ tư; có bốn hàng kệ hợp nêu lên thí dụ thứ tám; có ba hàng kệ với nghĩa hợp nêu lên thí dụ thứ chín; có mười lăm hàng rưỡi kệ hợp nêu lên thí dụ thứ mười. Ở trên hợp thí dụ thứ nhất “chủ nhà” tức tổng

dụ chỉ hợp một nghĩa “Trường giả”. Trong nghĩa này lại kiêm luôn năm nghĩa còn lại. Nay bốn hàng kệ này nêu lên việc kiêm hợp cả năm nghĩa nhưng chỉ lược không nêu lên việc hợp nghĩa “một cửa”. Nay nói “đức Phật cũng như vậy” gồm một hàng trước hết hợp nêu lên Trường giả tức tương ứng với văn trên nói “Như Lai cũng lại như vậy”. “Cha lành của trong đời” gồm một câu tức hợp nêu lên “làm cha của tất cả thế gian”. “Khắp tất cả chúng sanh, đều là con của ta” thì “tất cả” này đều hợp nêu lên hai nghĩa. Ban đầu nói “khắp tất cả chúng sanh” tức hợp nêu lên năm trăm người. “Đều là con của ta” trở xuống gồm ba câu tức có thể hợp nêu lên “ba mươi người con”. “Ba cõi hiểm không an” trở xuống gồm một câu kệ tức hợp nêu lên nghĩa “có một ngôi nhà lớn”. “Thường có những sanh, già” gồm một hàng tức hợp nêu lên nghĩa “có lửa ở trong nhà”.

“Đức Như Lai đã lìa” trở xuống gồm có hai hàng tức tụng hợp nêu lên thí dụ thứ hai “thấy lửa” tương ứng với văn trên nói “ta thấy các chúng sanh bị sanh, già, bệnh, chết”. Nhưng trong việc hợp nêu lên thí dụ ở trên chỉ có hợp ba loại: 1. Hợp người thấy; 2. Hợp đối tượng được; 3. Hợp khởi tâm thương xót. Nay, hai hàng này chỉ có thể hợp nêu lên người thấy và đối tượng được thấy mà không nêu lên việc khởi tâm thương xót. Tuy nhiên cũng tạo nên ba đoạn. Làm sao biết được? Vì trong Văn Trường hàng nêu lên chỗ Như Lai thấy tất cả chúng sanh. Nay nói “đức Như Lai đã lìa, nhà lửa ba cõi đó” trở xuống gồm một hàng trước hết nêu ra “chỗ thấy tất cả chúng sanh”. Kế đến gồm nửa hàng hợp nêu lên đoạn thứ nhất “năng thấy”. Kế tiếp nữa có nửa hàng hợp nêu lên đoạn thứ hai “đối tượng được thấy”. Nay gồm có một hàng thuộc phần thứ nhất nêu lên “chỗ thấy tất cả chúng sanh” Như Lai từ lâu đã dứt hết lụy phiền của ba cõi nên nói “đã lìa”. Và do thường xuyên tịnh trú ở địa pháp thân cho nên nói “vắng lặng ở thong thả”. Rừng chính là rừng pháp vô lậu. Do luôn an trú ở địa pháp thân, buông thả các biểu hiện của trần lụy và trở ngại cho nên nói “an ổn trong rừng nội”. Tuy nhiên kinh Pháp Hoa nói rõ pháp thân không giống với hai chữ “thường trụ”. Vấn đề này có hai cách giải thích: 1. Cho rằng kéo dài tâm kim cang trụ lâu ở đời tức lấy làm pháp thân; 2. Cho rằng: tổng nêu lên mười phương chư Phật lại so chiếu lẫn nhau, vì thế biết Vô lượng Thọ tức thời ở tại Tây phương giáo hóa, chưa đến cõi này, Cõi này so chiếu với cõi kia thì cõi kia tức là pháp thân. Nhưng ứng thân vốn có hình có ảnh còn pháp thân thì không có hình có ảnh. Phật đã chưa đến cõi này thì đối với cõi này tức không có hình không có ảnh. Đây

chính là pháp thân. Nếu tương ứng hiện đến trong cõi này thì đối với cõi này là ứng thân. Cõi khác so chiếu với cõi này tức duy trì cõi này làm pháp thân. “Hiện nay ba cõi này, đều là của ta cả” gồm nửa hàng kệ tức nêu lên “năng thấy”. “Những chúng sanh trong đó, cũng là con của ta” gồm nửa hàng hợp nêu lên “sở thấy”.

“Mà nay trong ba cõi” trở xuống gồm có hai hàng hợp nêu lên thí dụ thứ ba “cứu con mà chưa được”. Nhưng trong việc khai mở thí dụ ở trên vốn có hai đoạn: răn và khuyên và mỗi đoạn cũng được phân làm ba, cho đến trong việc hợp thí dụ được phân làm ba đoạn tức lập lại hợp sự răn, khuyên, dự định thích nghi, lập lại hợp “răn khuyên không có căn cơ”, lại lập lại hợp “răn, khuyên và ngưng giáo hóa”. Nay, trong hai kệ này chỉ hợp phần răn dạy. Nhưng sự răn dạy vốn có ba phần mà nay trong kệ đây lược không tụng hợp nêu lên sự răn dạy, ngưng giáo hóa, chỉ tụng hợp răn dạy, dự định thích nghi và “không có căn cơ”. Nay nói “mà nay trong ba cõi, có nhiều thứ hoạn nạn, chỉ riêng một mình ta, có thể cứu hộ chúng” gồm một hàng hợp nêu lên dự định răn dạy thích nghi tương ứng với văn trên nói “đức Phật thấy việc này rồi bèn nghĩ rằng: ta là cha của chúng sanh nên cứu chúng nó ra khỏi nạn khổ đó”. “đầu lại đã dạy bảo, mà vẫn không tin nhận” gồm một hàng hợp nêu lên sự răn dạy mà không có căn cơ. Tương ứng với văn trên nói “nếu ta chỉ dùng sức thần thông...”. Nay nói “đầu lại đã dạy bảo, mà vẫn không tin nhận” tức hiển bày sự không có căn cơ. “Nếu chỉ dùng thần lực thì chúng sanh không tin nhận” trở xuống tức là giải thích nói “vì nơi các đục nhiễm, rất sanh lòng tham mê”.

“Bởi thế nên phương tiện” trở xuống có bốn hàng tức hợp nêu lên thí dụ thứ tư “cứu được các con”. Trong việc hợp nêu lên thí dụ thứ tư vốn có ba đoạn: 1. Trước hết nhắc lại nêu lên ba thứ thí dụ bên ngoài nhưng nay không tụng; 2. Nói “đức Như Lai cũng lại như thế, đầu có trí lực cùng sức vô úy mà chẳng dùng đến” tức hợp thí dụ bên ngoài thứ ba và nay cũng không tụng; 3. Nêu lên việc hợp thí dụ thứ tư. Trong việc hợp thí dụ này vốn có bốn đoạn. Nay trong đây lược mà không tụng hợp nêu lên nghĩa thấy rõ căn cơ “nơi nhà lửa ba cõi cứu vớt chúng sanh”. Nay trong bốn hàng này có hai phần: 1. Ba hàng chánh tụng hợp ba đoạn ở trên; 2. Một hàng hợp ba đoạn làm một kết thành nghĩa ở trên. Nghĩa này không được trình bày ở trên. Nay căn cứ trong ba hàng thì ban đầu có một câu hợp nêu lên phần thứ nhất dự định thích nghi ba thừa giáo. Kế đến, có một hàng một câu tụng hợp phần thứ ba tức vì chúng sanh mà nói ba thừa giáo. Kế tiếp đó có một hàng rưỡi kệ tụng

hợp thí dụ thứ tư “các con thọ nhận và hành trì”. Nay nói “cho nên dùng phương tiện” gồm một câu tụng hợp dự định dùng ba thừa giáo thích nghi văn trên nói “chỉ dùng trí tuệ phương tiện”. “Vì chúng nói ba thừa” trở xuống gồm một hàng một câu hợp nêu lên sự việc “vì chúng sanh mà nói lên ba thừa giáo”. Trong việc nói ba thừa ở trên vốn có bốn phần. Nay một hàng một câu này chỉ hợp nêu lên một phần tức là “chỉ rõ chỗ chứng đạt ba quả” tương ứng với văn trên nói “các người mau ra khỏi ba cõi sẽ đặng chứng ba thừa: Thanh-văn, Duyên-giác và Phật thừa”. Đây chính là chỉ ra chỗ chứng đạt quả của người trong ba thừa. Ba phần còn lại do lược mà không nêu lên. “Các người con đó thấy, nếu nơi tâm quyết định” trở xuống gồm một hàng rưỡi kệ hợp thí dụ thứ tư “các người con thọ nhận và hành trì”. Nhưng trong việc hợp thí dụ trên lại được liệt kê riêng biệt. Căn cứ ở người của ba thừa thì mỗi thừa được phân làm bốn phần. Nay cũng căn cứ ba thừa mà tụng hợp. Nhưng không hợp hết cả bốn phần mà chỉ hợp nêu lên phần thứ tư “ba người”. Nay một hàng rưỡi kệ tự có hai ý tức ban đầu tổng nêu lên và sau riêng biệt nêu lên. Nay nói “các người con đó thấy, nếu nơi tâm quyết định” gồm nửa hàng tổng quát nói rõ người của ba thừa đều đạt được quả vị Vô học đều là nghĩa quyết định. Một hàng dưới riêng biệt nói rõ người của ba thừa đạt quả Vô học. Ban đầu nói “đầy đủ ba món minh, và sáu thứ thần thông” gồm nửa hàng tức quả quyết định của Thanh-văn chính nêu lên việc hợp ở trên gọi là Thanh-văn thừa. Điều này tương ứng với việc khai mở thí dụ nói “tranh ra khỏi nhà lửa”. “Có người được Duyên-giác” gồm một câu tụng hợp ở trên gọi là Bích-chi Phật thừa. Quả Vô học của Duyên-giác tức tương ứng trong mở thí dụ nói “tranh ra khỏi nhà lửa”. “Hoặc bất thối Bồ-tát” gồm một câu tụng hợp ở trên tức gọi là Bồ-tát thừa. Quả Vô học này cũng tương ứng trong thí dụ nói “tranh ra khỏi nhà lửa”, “Xá-lợi-phất phải biết, ta vì các chúng sanh” trở xuống có một hàng hợp Ba-làm một để kết thành nghĩa trên. Một hàng này là nghĩa nêu ra mà không nêu lên ở trên nhưng nay thuộc ở trên.

“Các ông nếu có thể, tin nhận lời nói đây, tất cả người đều sẽ, chứng thành quả Phật đạo” trở xuống gồm có bốn hàng hợp nêu lên thí dụ thứ tám “ban cho xe lớn” nhưng trong việc hợp thí dụ thứ tám ở trên được khai mở làm sáu đoạn. Tuy nhiên, chỉ hợp năm phần mà không hợp phần thứ sáu. Nay bốn hàng này phân làm hai đoạn: 1. Trong một hàng kệ này có thể hợp nêu lên hai phần tức tương hợp với trên nói “những chúng sanh đã thoát khỏi ba cõi đó, Phật đều cho món vui thiên định, giải thoát v.v... của các đức Phật” tức là nghĩa “tâm bình đẳng mà

ban cho một thứ xe”. “Phật thừa đây vi diệu, rất thanh tịnh thứ nhất” trở xuống gồm ba hàng hợp nêu lên xe rộng lớn ở trên tương ứng với Văn Trường hàng nói “các món đó đều là một tướng, một thứ mà các bậc Thánh khen ngợi thường sanh ra sự vui thanh tịnh vi diệu bậc nhất”. Do đó bốn hàng này chỉ nêu lên ba phần.

“Đạt được thừa như thế, khiến cho các Phật tử” trở xuống ba hàng tức nghĩa hợp nêu lên thí dụ thứ chín “các con có được xe cho nên hoan hỷ”. Trong Văn Trường hàng ở trên không hợp nêu lên thí dụ thứ chín này. Tuy nhiên trong ba hàng này hai hàng đầu chính là nghĩa tụng nói rõ hành một nhân đạt một quả cho nên quyết định vui vẻ. “Vì bởi nhân duyên đó” trở xuống gồm một hàng nêu rõ nhân không khác. “Nương nơi xe báu này, mà thẳng đến đạo tràng” tức là nói rõ Như Lai đã vì người ba thừa mà thọ ký quả vị Phật cho họ trong đời vị lai. Lúc ấy, đại chúng cùng nhau xét tâm chuyển hóa Phật quả trong tương lai mà tu hành tinh tấn tức là nương vào xe báu này thuộc thừa cảnh giới. “Thẳng tiến đến đạo tràng” nghĩa là vạn hạnh đều đến đạo tràng. Nhưng khi tâm kim cang ấy phát khởi tức tiện lợi gần quả Phật nhằm tu hành đạt đến vị kim cang tức là nghĩa của “thẳng tiến đến đạo tràng”.

“Bảo với Xá-lợi-phất, bọn ông các người thầy” trở xuống có mười lăm hàng rưỡi kệ đều hợp nêu lên thí dụ thứ mười “không có hư vọng”. Trong việc hợp thí dụ ở trên vốn có bốn đoạn: 1. Trước hết nhắc lại ý nghĩa ba loại thí dụ bên ngoài; 2. Chánh hợp; 3. Hợp giải thích; 4. Kết hợp. Nay chỉ nêu lên phần chánh hợp còn các đoạn khác thầy đều không tụng. Phần chánh hợp ở trên tự có hai thứ. Ban đầu nói “Như Lai cũng lại như vậy không có hư dối” tức là tổng nói rõ sự việc không có hư dối, nay cũng không tụng hợp, mà chỉ tụng hợp ba loại để riêng biệt nói rõ sự việc không có hư dối: lấy nặng bỏ nhẹ, không hư dối, tương xứng với bản tâm không hư dối, vượt quá chỗ mong cầu không hư dối. Nay xét trong mười lăm hàng rưỡi kệ này đại khái được phân làm ba đoạn: 1. Một hàng kệ trước hết nói lên sự tương quan giữa cha và con để khai mở lý do không hư dối. Ý nói “Như Lai trước kia đã từng ở nơi hai vạn ức đức Phật để giáo hóa chúng sanh này”. “Lúc ấy chúng sanh phát khởi tâm hiểu biết ấy là nghĩa nhân, nhưng sự hiểu không thể tự sanh, mà phải nhờ ở Phật. “Như Lai có khả năng làm cho chúng sanh hiểu” tức là nói lên nghĩa “cha”; 2. Mười ba hàng rưỡi kệ chính tụng hợp ba thứ không hư dối ở trên; 3. Một hàng còn lại nêu lên vua của các pháp để tổng kết nói rõ ý không hư dối. Lại trong ba đoạn này, trước một sau một đều không khai triển. Một đoạn ở giữa tự có ba đoạn riêng biệt: 1.

Hai hàng rưỡi kệ trước hết lược tụng hợp ba thứ không hư dối; 2. Hai hàng kệ trước muốn rộng tụng hợp trước dẫn chứng sự khuyến khích tin nhận; 3. Chín hàng chính tụng rộng phần thứ nhất ở trên lược tụng hợp sự việc không hư dối. Nay nói hai hàng rưỡi kệ lược nêu sự chánh hợp: Một hàng đầu tụng phần thứ nhất, một hàng kế tiếp tụng phần thứ hai, nửa hàng kế đó tụng phần thứ ba.

Nay “các ông đã nhiều kiếp” gồm một hàng tức hợp nêu lên “lấy nặng bỏ nhẹ không có hư dối” tương ứng với văn trên nói “ban đầu nói ba thừa”. “Ta tuy trước nói vậy” trở xuống có một hàng tức hợp nêu lên “bản tâm không có hư dối” tương ứng với thí dụ trên “dẫn đường cho chúng sanh cũng chỉ là...” “Chỉ là diệt hết sanh tử” là chỉ cho sanh tử có hai loại. Tuy nhiên vì trong phân đoạn “khổ não sâu nặng” cho nên phương tiện làm ba thừa dẫn ra “khiến ông lìa khổ khỏi thiêu đốt”. Do chỉ diệt hết phân đoạn sanh tử mà chưa dứt sạch biến dị sanh tử cho nên nói “chỉ”. Lại nên tinh tấn đoạn trừ biến dị sanh tử để thành đạo vô thượng há nên chỉ dừng ở thân tàn diệt trí này cho nên nói “mà thật chẳng diệt độ”. “Nay việc nên phải làm, chỉ có trí tuệ Phật” gồm nửa hàng hợp nêu lên sự ban cho vượt quá chỗ mong cầu nhưng không hư dối tương hợp với thí dụ trên nói “sau đó chỉ dùng Đại thừa mà độ thoát chúng”. “Nếu có Bồ-tát nào” trở xuống có hai hàng là dẫn chứng người thù thắng, chứng minh Như Lai không dối và khuyến tin. Kệ đầu chính là dẫn chứng và kệ sau tức chứng minh lời nói của người. “Nếu có người trí nhỏ” trở xuống gồm có chín hàng kệ tức lược tụng hợp ba thứ không hư dối. Nay, chín hàng này tự được phân làm ba đoạn. Đoạn đầu có sáu hàng tức rộng nêu lên phần trên. “Các ông trải nhiều kiếp” trở xuống chỉ có một hàng lược nói rõ “lấy nặng bỏ nhẹ không có hư dối” xét trong sáu hàng này, hai hàng đầu nói rõ khổ đế; hai hàng kế nói lên tập đế, một hàng tiếp nêu lên diệt đế, và một hàng cuối nêu ra đạo đế. Đoạn hai từ “người đó nói pháp gì, mà nói đặng giải thoát?” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tức rộng nêu lên “tương xứng bản tâm không hư vọng”. Đoạn ba từ “đức Phật nói người đó, chưa phải thật diệt độ” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tức rộng nêu lên ở trên. “Nay việc phải nên làm, chỉ có trí tuệ Phật” gồm nửa hàng nói lên việc ban cho quá sự mong cầu không có hư dối. “Ý của ta không muốn, khiến cho đó đến diệt độ” tức là nói lên lời nói ở trên, nghĩa này có thể tìm thấy. Tức người kia khi chưa chứng đạt đạo vô thượng; ý của Như Lai quyết không chỉ cho họ đi đến diệt độ như xưa kia. “Ta là đấng Pháp vương, tự tại nơi các pháp” trở lên gồm mười lăm hàng rưỡi kệ đại khái được

phân làm ba đoạn. Từ đây trở xuống có một hàng là nêu lên bậc Pháp vương để tổng kết nói rõ sự việc không có hư dối. Nhưng vì người không tự tại mà nêu ra nhiều lời nói hư dối. Phật là bậc Pháp vương tổng kết nói rõ chân thật không có hư dối.

Từ “Xá-lợi-phất phải biết, pháp ấn của ta đây” lại trước tụng thí dụ nói khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để giáo hóa người có căn tánh bậc trung. Trong phần này có hai đoạn: 1. Trong phần Xá-lợi-phất thừa thỉnh có ba đoạn và đã trình bày xong; 2. Trong phần đáp của đức Phật cũng có ba đoạn; 1. Dùng thí dụ để nói về duyên khởi có hai: ban đầu khiển trách và sau hứa khả; 2. Phần chính thí dụ để nói lên việc khai mở ba thừa và hiển bày một thừa cũng có hai phần: phần Văn Trường hàng và kệ cũng đã trình bày xong. Người có căn tánh bậc trung đã hiểu lý đồng quy với ý trước khai mở ba thừa và hiển bày một thừa; 3. Từ đây trở xuống đến phẩm có sáu mươi lăm hàng kệ là nói lên việc khuyến khích người có căn tánh bậc trung thọ nhận và hành trì. Tuy nhiên ý khuyến khích chỉ nói rõ sự hoằng truyền kinh để tự tu tập, giáo hóa người khác, và gieo trồng nhân đồng quy chiêu cảm đạt được quả viên mãn tốt bậc cho đến vạn hạnh của Bồ-tát đều tu hành đầy đủ các đức. Nếu nói rõ ra chủ yếu không ngoài tự tu tập và giáo hóa người khác. Tự tu hành tức như nói tu hành. Giáo hóa người khác tức là hoằng truyền kinh điển để làm lợi ích cho chúng sanh, kiêm luôn việc đoạn trừ sanh, già, bệnh tức là nghĩa của Bồ-tát. Tuy nhiên, tâm mến mộ quả dễ sanh mà ý hành nhân lại khó lập cho nên trong đây để riêng ra phần khuyến khích mến mộ quả, vì đã có nguyện hành với nhân thì quả nghèo hay phước tự hiển bày. Ý này ở trên đã nói đầy đủ nên nay không trình bày chi tiết. Lại giải thích rằng sở dĩ không khuyến khích mến mộ quả là vì đây rất gần phẩm Thọ ký cho nên không nói khuyến khích mến mộ quả. Trong đây chỉ dùng việc hoằng truyền lợi ích người làm nhân thực hành và cũng có hai đoạn: 1. Một hàng kệ nêu ra kinh được hoằng truyền kinh; 2. Từ “tại chỗ ông đi qua” trở xuống có sáu mươi bốn hàng kệ tụng phần chính chỉ rõ phương pháp hoằng truyền kinh để làm lợi ích cho chúng sanh. Nay nói “pháp ấn của ta đây” tức chỉ cho kinh được hoằng truyền. Ấn tức như danh tự của người này ấn chỉ lên hòm sách để gửi đến cho người kia, chẳng có vật gì gửi cho mà không có người cho. Do vậy kinh Pháp Hoa được xem như hòm sách. Nhưng chỗ nói rõ về nhân quả trong kinh giống như sự việc trong bức thư đã được biểu hiện ra. Như Lai nói giáo tụng danh tự kinh này cũng giống như ấn vậy. Bồ-tát hoằng truyền kinh này giống như người đưa

thư. Do đó, pháp ấn có ý nghĩa sâu xa như thế.

“Tại chỗ ông đi qua, chớ có vọng tuyên truyền” trở xuống gồm sáu mươi bốn hàng là chỉ ra phương pháp hoằng truyền kinh điển ấy tức với ý khuyến khích hành nhân. Trong đây tự có ba đoạn: 1. Nửa hàng dùng để tổng lược việc hoằng kinh làm lợi ích cho chúng sanh; 2. “Nếu có người nghe đến” trở xuống gồm có mười hàng kệ dùng để riêng biệt lược khuyến khích phương pháp hoằng truyền kinh; 3. “Nếu có người không tin, sanh huỷ báng kinh này” trở xuống có năm mươi ba hàng rưỡi kệ rộng chỉ ra phương pháp hoằng truyền kinh để biểu hiện tướng thực hành nhân. Nay nói “tại chỗ ông đi qua, chớ có vọng tuyên truyền” tức là đoạn thứ nhất. Nhưng “chớ có vọng nói” ý ấy rất khó hiểu. Nay chỉ đưa ra bốn câu để nói rõ nghĩa: “chớ có vọng nói” 1. Đối với người ác chớ nên vì họ nói cũng chớ có vọng nói; 2. Đối với người ác và người thiện đều vì họ nói tức cũng chớ có vọng nói; 3. Đối với người ác thì nên vì họ nói nhưng đừng vì người thiện mà nói; 4. Đối với người thiện thì nên nói còn đối với người ác thì chớ vì họ nói. Nay không giống như ba câu trước. Vì có gì? Vì ba câu trước rất thông suốt lẫn lộn, nên chỉ chọn lấy câu thứ tư chính là “đối với người ác không nói, còn người thiện nên vì họ mà nói”. Hỏi: Như Lai là đấng cha lành thương chúng sanh như con đẻ, lại phóng hào quang chiếu khắp loài quần sanh đều thấm nhuần nhưng nay lại nói chỉ nên vì người thiện nói, chớ vì người ác mà nói há chẳng phải sanh tâm phân biệt và cũng trái với ý cha lành? Đáp: Nói phóng hào quang chiếu khắp là biểu hiện từ bi bình đẳng. Nay nói lên chỉ vì người thiện mà nói còn không vì người ác nói tức là chỉ ra phương hướng hoằng truyền kinh điển của Xá-lợi-phất. Nên nói cho người thiện tức là khuyến khích pháp thiện còn chớ nói cho người ác là răn dạy người ác. Vả lại, nếu gương vì người ác mà nói thì chẳng những họ sanh tâm bất tín mà còn tăng trưởng tội huỷ báng. Do vậy, kinh Niết-bàn nói “các đức Phật và Thánh nhơn không vì chúng sanh mà tạo ra nhân duyên phiền não”. Lại muốn để chê trách người ác kia khiến cải đổi ác mà làm thiện.

“Nếu có người nghe đến” trở xuống gồm mười hàng kệ dùng để riêng biệt lược khuyến khích phương hướng hoằng truyền kinh. Đoạn thứ hai này so với phần tổng quát ở trên tức thành riêng biệt, nếu so với phần rộng ở dưới thì gọi là lược nêu lên. Nay xét trong mười hàng kệ này tự có hai đoạn: 1. Bốn hàng trước hết khuyến khích nếu gặp người thiện thì nên vì họ nói pháp; 2. “Nói kinh Pháp Hoa này” trở xuống sáu hàng kệ răn dạy khiến đừng vì người ác mà nói. Trong hai đoạn này

mỗi đoạn có ba phần. Trong bốn hàng trước, “vì người thiện mà nói” tự có ba hạng người thiện: 1. Một hàng trước hết nói rõ hạng người không thối chuyển phải nên vì họ mà nói. A là không, Bê Bạt Trí là thoái, người không có thối chuyển thì nên vì họ mà nói; 2. “Nếu có người tin nhận” trở xuống gồm một hàng rưỡi kệ nói rõ hạng người đã gieo trồng thiện căn trong quá khứ lâu xa nên phải vì họ mà nói; 3. “Nếu người nào có thể” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tức nói rõ trong đời vị lai nếu có người thường gặp thiện tri thức thì nên vì người này mà nói. Ba hạng người này tức thành ba đời. Ban đầu nói lên hạng người bất thối tức là chỉ cho hiện tại. Kế đến nói lên người đã gieo trồng thiện căn lâu dài tức chỉ cho quá khứ. Và sau cùng nói lên hạng người thường gặp thiện tri thức cũng chính hạng người này đã gieo trồng thiện căn trong quá khứ nên trong đời vị lai sẽ được gặp gỡ nhau. Nhưng ở đây chỉ hỗ tương nêu lên một bên làm nghĩa. “Nói kinh Pháp Hoa này” trở xuống có sáu hàng tụng răn bảo khiến chớ vì người ác mà nói kinh Pháp Hoa. Trong sáu hàng này cũng nói ba hạng người ác: 1. Một hàng trước hết nói lên người hiểu biết nông cạn thì chớ nên vì họ nói; 2. “Tất cả hàng Thanh-văn” trở xuống gồm ba hàng tụng đối với người có lòng tin nông cạn cũng không vì họ mà nói hướng hồ là người không tin. Và nếu chấp thủ tức là người không có lòng tin sâu sắc; 3. “Lại nữa Xá-lợi-phất” trở xuống hai hàng nêu ra người ác để tổng kết “nếu có người mền mộ thì nên vì họ nói”. Hàng đầu nói rõ “người chấp ngã kiến, không nên vì họ nói” hàng sau nói người có nhiều ái nhiễm chớ nên vì họ nói.

Hỏi: Ở trên nói sự tích tập nghiệp ở quá khứ mạnh, tuy có ba hạng người sống trọn đời với năm thứ như uế nhưng không bị chướng ngại trôi buộc. Nay cố gì nói chớ nên vì hạng người này mà nói?

Đáp: Điều này có hai ý: 1. Chính vì khuyến khích hạng người có căn tánh bậc trung nắm bắt phương pháp hoằng truyền kinh; 2. Cũng để chê trách người giải đãi ngay lúc ấy ở trong chúng.

“Nếu có người không tin, khinh huỷ chê kinh này” trở xuống có năm mươi ba hàng rưỡi kệ rộng chỉ ra phương pháp hành nhân hoằng truyền kinh làm lợi ích cho chúng sanh. Nay xét trong năm mươi ba hàng rưỡi kệ đại khái được phân làm hai đoạn: 1. Ba mươi bốn hàng rưỡi kệ rộng chỉ ra “người ác chớ nên vì họ nói”. Đây tức là rộng nêu lên phần thứ hai ở trước gồm sáu hàng lược nói rõ “người ác không nên vì họ nói”; 2. Từ “nếu có người lợi căn” trở xuống đến phẩm có mười chín hàng kệ rộng nói rõ “đối với người thiện thì nên vì họ nói”. Đây tức là rộng nêu lên phần thứ nhất ở trên tức gồm bốn hàng lược nói rõ

“đối với người thiện thì nên vì họ nói”. vì nói ý rộng cho nên ý ấy cũng như đây.

Nay, trong đoạn nói rõ người ác tự có ba hạng: 1. Bốn hàng rười kệ căn cứ vào nhân hành ác mà nói rõ người ác; 2. Từ “người ấy khi mạng chung” trở xuống có hai mươi tám hàng kệ căn cứ vào quả ác để nói rõ người ác; 3. “Phật bảo Xá-lợi-phất, người huỷ báng kinh này” trở xuống có hai hàng tổng kết tướng trạng của người ác.

Nay xét trong bốn hàng rười kệ trước nói rõ trong nhân hành ác tự có ba loại nhân ác: 1. Một hàng kệ trước hết nêu lên “nếu người huỷ báng pháp, chớ nên vì đó nói”; 2. Một hàng nói lên “nếu có người nghi hoặc, chớ nên vì đó nói”; 3. Có hai hàng rười kệ nêu lên “nếu có người huỷ báng người hoằng truyền kinh” thì chớ nên vì họ nói”.

Nay trong mục thứ nhất có một hàng kệ nói lên người huỷ báng pháp. Đã huỷ báng kinh này rồi thì sao có thể nói! Vì như vậy tức đoạn tuyệt giống Phật của tất cả thế gian. Nay, kinh này nói chúng sanh có giống Phật nhưng những người nghe pháp đã huỷ báng kinh này thì không thể tuyên thuyết được cho nên nói “đoạn tuyệt giống Phật”. “nếu có người xù mặt” chỉ một hàng nói lên đối với hạng người nghi hoặc thì không nên vì họ nói. “Hoặc Phật còn tại thế” trở xuống có hai hàng rười kệ nói rõ đối với kẻ huỷ báng người hoằng truyền kinh thì cũng không nên vì họ mà nói.

“Người đó khi mạng chung” trở xuống có hai mươi tám hàng căn cứ vào quả ác để nói lên người ác, đây tức ba hạng người trước với nhân hành ác mà có ra quả ác này. Căn cứ trong đây có hai ý lặp lại: 1. Hai mươi hai hàng kệ nói lên quả báo ác; 2. “Thường sanh vào địa ngục” trở xuống có sáu hàng kệ tổng kết tướng của quả ác. Lại xét trong hai đoạn này mỗi đoạn có hai thứ riêng biệt. Nay căn cứ trong việc nói rõ quả có hai thứ tức là: 1. Mười hai hàng căn cứ vào chánh báo để nói lên quả ác; 2. “Nếu được sanh làm người” trở xuống mười hàng kệ căn cứ vào báo nghiệp còn sót lại mà nói lên quả ác. “chết bị ném ngói đá” tức là để lại tiếng xấu trong dòng đời, nghĩa là nói người này sau khi chết có tướng bị cắt chém; cũng có thể người này sau khi chết nhờ vào mạng sống đời trước mà biết thấy người dữ thay chết cắt xén thì thể mình nên lúc ấy liền sanh tâm thọ nhận khổ mà tự biết do tội phỉ báng kinh. Lại giải thích người này khi chết không được bình thường mà bị dùng dao gậy đánh chết. “Nếu được sanh làm người” trở xuống có mười hàng kệ căn cứ vào nghiệp báo còn lại mà nói lên bị nhận chịu quả ác tức là chánh báo của những người hành nhân ác mà nay phải nhận y báo còn lại.

“Thường sanh ở địa ngục” trở xuống có sáu hàng tổng kết tướng quả ác, cũng có hai phần tức tổng kết hai đoạn ở trên: 1. Hai hàng tổng kết đoạn thứ nhất “căn cứ vào chánh báo mà nói lên bị nhận chịu quả ác”; 2. Từ “nếu được sanh làm người” trở xuống có bốn hàng tổng kết đoạn thứ hai ở trên “căn cứ vào dư báo mà nói rõ bị nhận chịu quả ác” “bảo Xá-lợi-phất, người khinh chê kinh này” như đã nói trên gồm có ba mươi bốn hàng rườì kệ rộng chỉ ra phần “đối với người ác thì không nên vì họ nói” phần này vốn có ba ý: 1. Có bốn hàng rườì kệ căn cứ vào nhân hành ác để nói lên người ác; 2. Có hai mươi tám hàng kệ căn cứ vào quả ác để nói lên người ác; 3. Từ đây trở xuống hai hàng kệ tổng kết tướng trạng người ác.

“Nếu có người lợi căn” trở xuống có mười chín hàng rộng nói lên đối với người thiện thì nên vì họ nói kinh. Trong đó có bốn hàng nêu lên đối với người thiện thì nên vì họ mà nói kinh. Căn cứ trong đây có hai phần: 1. Mười bảy hàng kệ nêu lên việc đối với người thiện thì nên vì họ mà nói kinh; 2. “Bảo cùng Xá-lợi-phất, ta nói sự tướng này” trở xuống có hai hàng tổng kết khuyến khích “đối với người thiện thì nên vì họ nói”. Xét trong mười bảy hàng kệ gồm có mười hạng người có thể vì họ mà nói kinh. Nay lấy nghĩa đối nhau mà nêu lên năm cặp nghĩa: 1. Nói lên hiện tại nhằm nêu ra người thông minh lợi trí, tức trong quá khứ đã từng gieo trồng công đức sâu nặng. Đây tức là sự tương đối của công đức và trí tuệ; 2. Dưới thì rủ lòng thương đến kẻ hạ lưu, trên thì cung kính bậc tôn trưởng. Đây tức là trên dưới đối nhau; 3. Bên ngoài tức xa lìa ác để duyên vào bên trong tâm tức giữ giới thanh tịnh. Đây tức là trong ngoài đều tương đối; 4. Nói tự hành tức chất trực nhu hoà và hóa độ người khác tức thanh tịnh mà nói pháp. Đây tức là tự hành trì và giáo hóa người khác mang tính tương đối; 5. Nói ban đầu đạt được tuệ niệ mà cầu kinh và sau cùng thuần tâm mà tôn kính. Đây tức là ban đầu và rốt sau mang tính tương đối. “Bảo cùng Xá-lợi-phất, ta nói sự tướng này” trở xuống có hai hàng tức tổng kết khuyến khích đối với người thiện thì nên vì họ mà nói kinh Pháp Hoa.
